



Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

HL-B2000D
HL-B2080DW

Mục lục

Trước khi bạn sử dụng máy Brother	1
Định nghĩa các mục lưu ý	2
Các nhãn hiệu	3
Lưu ý quan trọng	4
Giới thiệu về máy Brother của bạn	5
Tổng quan về bảng điều khiển	6
Mẫu LED và Chỉ dẫn (đối với các Dòng máy không có màn hình LCD)	9
Truy cập Brother Utilities (Windows)	11
Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Brother (Windows)	13
Xử lý giấy	14
Nạp giấy	15
Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy	16
Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay	19
Thiết đặt giấy	25
Thay đổi khổ giấy và loại giấy	26
Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy	27
Vùng không thể in	28
Sử dụng giấy đặc biệt	29
In	30
In từ máy tính của bạn (Windows)	31
In tài liệu (Windows)	32
Cài đặt in (Windows)	34
Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)	38
Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows)	39
In từ máy tính của bạn (Mac)	40
In tài liệu (Mac)	41
Tuỳ chọn in (Mac)	42
Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Mac)	47
Hủy tác vụ in	48
In thử	49
Xử lý sự cố	50
Lỗi và Chỉ dẫn Bảo trì	51
Thông báo lỗi và bảo trì	54
Kẹt giấy	57
Giấy bị kẹt trong khay giấy	58
Giấy bị kẹt ở phía sau máy	59
Giấy bị kẹt bên trong máy	61
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt	63
Vấn đề khi in	65
Cải thiện chất lượng in	68
Vấn đề về mạng	73
Thông báo lỗi	74
Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu?	75
Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây	76

Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)	78
Máy Brother của tôi không thể in qua mạng.....	79
Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.	81
Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google.....	82
Các vấn đề về AirPrint	83
Các vấn đề khác	84
Thông tin về máy.....	85
Kiểm tra số sê-ri	86
Kiểm tra phiên bản firmware	87
Tổng quan về Chức năng Đặt lại	88
Đặt lại máy Brother của bạn.....	89
Bảo trì thường lệ.....	90
Thay thế vật tư.....	91
Thay Hộp mực.....	93
Thay Bộ trống mực.....	96
Vệ sinh máy	99
Vệ sinh Dây Corona	100
Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực.....	102
Vệ sinh trục cuộn lấy giấy	107
Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận.....	108
Đóng gói và vận chuyển máy Brother của bạn	109
Thiết đặt máy	111
Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển	112
Thiết đặt chung.....	113
Bảng menu (đối với model có màn hình LCD).....	120
In danh sách thiết đặt máy in	128
Cách cài đặt phần mềm Remote Printer Console (chỉ dành cho Windows)	129
Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn	130
Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web	131
Phụ lục	135
Thông số kỹ thuật.....	136
Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn	140
Vật tư	141
Số điện thoại Brother	142

Trước khi bạn sử dụng máy Brother

- Định nghĩa các mục lưu ý
- Các nhãn hiệu
- Lưu ý quan trọng

Định nghĩa các mục lưu ý

Chúng tôi sử dụng các ký hiệu và quy ước sau xuyên suốt Hướng dẫn sử dụng này:

 CẢNH BÁO	CẢNH BÁO cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến chết người hoặc thương tích nghiêm trọng.
 THẬN TRỌNG	THẬN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc ít nghiêm trọng.
QUAN TRỌNG	QUAN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thiệt hại cho tài sản hoặc hỏng chức năng sản phẩm.
LƯU Ý	LƯU Ý quy định môi trường hoạt động, điều kiện lắp đặt hoặc điều kiện sử dụng đặc biệt.
	Các biểu tượng gợi ý sẽ chỉ ra những gợi ý hữu ích và thông tin bổ sung.
	Biểu tượng Nguy hiểm điện cảnh báo bạn về khả năng bị điện giật.
	Biểu tượng Nguy hiểm hỏa hoạn cảnh báo bạn về nguy cơ hỏa hoạn.
	Biểu tượng Bề mặt nóng cảnh báo bạn không được chạm vào bộ phận máy đang nóng.
	Biểu tượng Cấm cho biết hành động mà bạn không được thực hiện.
In đậm	Chữ in đậm xác định các nút trên bảng điều khiển của máy hoặc màn hình máy tính.
<i>In nghiêng</i>	Chữ in nghiêng nhấn mạnh điểm quan trọng hoặc giới thiệu với bạn chủ đề liên quan.
Courier New	Phông chữ Courier New xác định thông báo hiển thị trên màn hình LCD của máy.

Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Brother](#)

Các nhãn hiệu

BROTHER là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Brother Industries.

Microsoft, Windows, Windows Server và Internet Explorer là các nhãn hiệu đăng ký hoặc nhãn hiệu của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Apple, Mac, Safari, AirPrint, AirPrint logo, iPad, iPhone và iPod touch là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

macOS là nhãn hiệu của Apple Inc.

App Store là nhãn dịch vụ sửa chữa của Apple Inc.

PostScript và PostScript 3 là các nhãn hiệu đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Wi-Fi, Wi-Fi Alliance và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đăng ký của Wi-Fi Alliance®.

WPA, WPA2, Wi-Fi CERTIFIED, Wi-Fi Protected Setup và biểu tượng Wi-Fi Protected Setup là các nhãn hiệu của Wi-Fi Alliance®.

Android, Gmail, Google Cloud Print, Google Drive, Google Chrome, Chrome OS và Google Play là các nhãn hiệu của Google Inc. Việc sử dụng các nhãn hiệu này phải tuân theo Giấy phép của Google.

Mopria® và biểu tượng Mopria® là các nhãn hiệu đã được đăng ký và nhãn dịch vụ sửa chữa của Mopria Alliance, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Nghiêm cấm việc sử dụng trái phép.

Mozilla và Firefox là các nhãn hiệu đăng ký của Mozilla Foundation.

Intel là nhãn hiệu của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Nhãn chữ Bluetooth® là nhãn hiệu đăng ký thuộc quyền sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và bất kỳ việc sử dụng nhãn nào như vậy bởi Brother Industries, Ltd. đều phải có giấy phép.

Mỗi công ty có tên phần mềm được đề cập trong sách hướng dẫn sử dụng này có một Thỏa thuận cấp phép phần mềm dành riêng cho các chương trình độc quyền của họ.

Bất kỳ tên thương hiệu và tên sản phẩm nào của công ty xuất hiện trên các sản phẩm của Brother, các tài liệu có liên quan và bất kỳ tài liệu nào khác là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đăng ký của công ty tương ứng đó.



Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Brother](#)

Lưu ý quan trọng

- Không sử dụng sản phẩm này bên ngoài quốc gia mua máy vì điều này có thể vi phạm quy định về viễn thông và truyền điện không dây của quốc gia đó.
- Một số model không sẵn có ở một số quốc gia.
- Windows 10 trong tài liệu này đại diện cho Windows 10 Home, Windows 10 Pro, Windows 10 Education và Windows 10 Enterprise.
- Windows Server 2008 trong tài liệu này đại diện cho Windows Server 2008 và Windows Server 2008 R2.
- Trong Hướng dẫn sử dụng này, thông báo trên màn hình LCD của HL-B2080DW được sử dụng, trừ khi có quy định khác.
- Trong Hướng dẫn sử dụng này, hình minh họa của HL-B2080DW được sử dụng, trừ khi có quy định khác.
- Các màn hình trong Hướng dẫn Sử dụng này chỉ nhằm mục đích minh họa và có thể khác với màn hình thực tế.
- Trừ khi có quy định khác, các màn hình trong hướng dẫn sử dụng này là từ Windows 7 và macOS v10.10.5. Màn hình trên máy tính của bạn có thể khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành của bạn.
- The contents of this guide and the specifications of this product are subject to change without notice.
- Không phải tất cả tính năng đều khả dụng ở các quốc gia có áp dụng hạn chế xuất dữ liệu.



Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Brother](#)

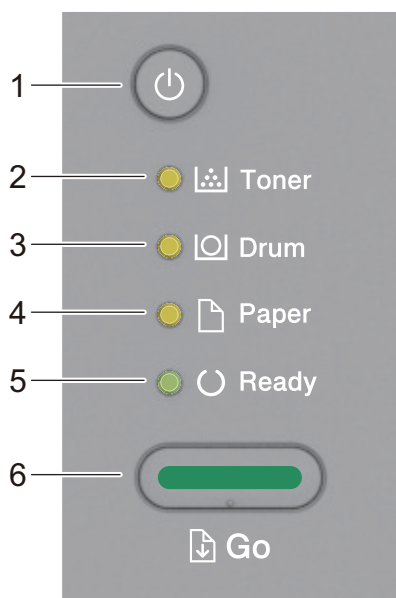
Giới thiệu về máy Brother của bạn

- [Tổng quan về bảng điều khiển](#)
- [Mẫu LED và Chỉ dẫn \(đối với các Dòng máy không có màn hình LCD\)](#)
- [Truy cập Brother Utilities \(Windows\)](#)



Tổng quan về bảng điều khiển

>> HL-B2000D
>> HL-B2080DW

HL-B2000D



1. Nút Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .
- Tắt máy bằng cách bấm và giữ .

2. Đèn LED Toner (Mực)

Đèn LED **Toner (Mực)** chỉ báo rằng Mực in sắp hết.

3. Đèn LED Drum (Trống từ)

Đèn LED **Drum (Trống từ)** chỉ báo rằng cần sớm thay Trống mực.

4. Đèn LED Paper (Giấy)

Đèn LED **Paper (Giấy)** chỉ báo rằng có lỗi liên quan đến nạp giấy.

5. Đèn LED Ready (Sẵn sàng)

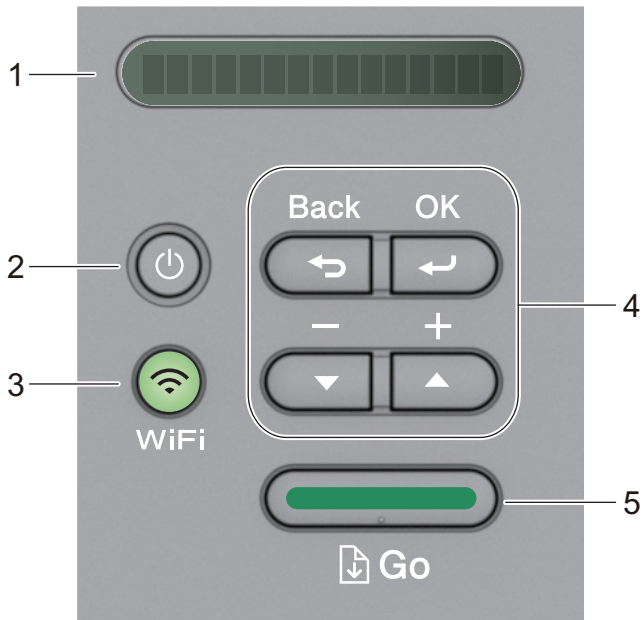
Đèn LED **Ready (Sẵn sàng)** nhấp nháy để chỉ báo trạng thái của máy.

6. Nút Go (Vào)

- Bấm **Go (Vào)** để xóa một số lỗi nhất định.
- Bấm **Go (Vào)** để in bất kỳ dữ liệu nào còn lại trong bộ nhớ của máy.
- Bấm và giữ **Go (Vào)** trong khoảng 2 giây để hủy công việc in.

HL-B2080DW

Bảng điều khiển sẽ thay đổi tùy theo model của bạn.



1. LCD (Màn hình tinh thể lỏng)



Hiển thị thông báo để giúp bạn cài đặt và sử dụng máy của mình.

Model không dây:

Chỉ báo bốn mức hiển thị cường độ tín hiệu không dây nếu bạn đang sử dụng kết nối không dây.



2. Nút Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .
- Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình LCD hiển thị [Shutting Down (Đang tắt máy)] trong vài giây trước khi tắt.

3. Nút mạng

- Model có dây:

Network (Mạng)

Bấm **Network (Mạng)** để cài đặt thiết đặt mạng có dây.

- Model có chức năng không dây:

WiFi

Bấm nút **WiFi** rồi cho chạy trình cài đặt không dây trên máy tính của bạn. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt kết nối không dây giữa máy và mạng của bạn.

Khi đèn **WiFi** bật nghĩa là máy Brother của bạn được kết nối với điểm truy cập không dây. Khi đèn **WiFi** nhấp nháy nghĩa là kết nối không dây yếu hoặc máy của bạn đang trong quá trình kết nối với điểm truy cập không dây.

4. Nút menu

OK

Bấm để lưu trữ thiết đặt máy của bạn. Sau khi bạn thay đổi thiết đặt, máy trở lại cấp menu trước đó.

Back (Quay lại)

- Bấm để trở lại một cấp trong menu.
- Bấm để chọn chữ số trước đó khi thiết đặt số.

▲ hoặc ▼ (+ hoặc -)

- Bấm để cuộn qua menu và tùy chọn.

-
- Bấm để nhập số hoặc để tăng hoặc giảm số. Nhấn và giữ ▲ hoặc ▼ để cuộn nhanh hơn. Khi bạn thấy số mà bạn muốn, bấm **OK**.

5. Nút Go (Vào)

- Bấm để xóa thông báo lỗi nhất định. Để xóa tất cả các lỗi khác, hãy làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển.
- Bấm để in bất kỳ dữ liệu nào còn lại trong bộ nhớ của máy.
- Bấm để chọn tùy chọn được hiển thị. Sau khi bạn thay đổi thiết đặt, máy trở lại chế độ Sẵn sàng.
- Bấm và giữ **Go (Vào)** trong khoảng 2 giây để hủy công việc in.



Thông tin liên quan







- [Giới thiệu về máy Brother của bạn](#)
-

Mẫu LED và Chỉ dẫn (đối với các Dòng máy không có màn hình LCD)

























Model: HL-B2000D





Đèn LED trên bảng điều khiển máy của bạn sáng lên, sáng mờ hoặc nhấp nháy để chỉ báo trạng thái máy.

Các chỉ báo đèn LED được định nghĩa trong bảng sau.

	Đèn LED tắt.
 hoặc 	Đèn LED bật.
	Đèn LED sáng mờ.
 hoặc 	Đèn LED nhấp nháy.

Bảng này định nghĩa các chỉ báo của đèn LED khi đèn sáng lên, sáng mờ hoặc nhấp nháy.

Chỉ báo đèn LED	Trạng thái	Ý nghĩa
  Toner   Drum   Paper   Ready	Ngủ	Trong Chế độ ngủ (Chế độ tiết kiệm điện), máy hoạt động như thể đã tắt nhưng vẫn có thể nhận dữ liệu. Khi nhận công việc in, máy sẽ hoạt động lại và sẽ bắt đầu in.
	Ngủ sâu	Trong Chế độ ngủ sâu (mức tiêu thụ điện năng thấp hơn ở Chế độ ngủ), máy có vẻ như bị tắt nhưng vẫn có thể nhận dữ liệu. Nếu máy không nhận dữ liệu trong khoảng thời gian bạn chỉ định, máy sẽ đi vào chế độ Ngủ sâu. Khi nhận công việc in, máy sẽ hoạt động lại và sẽ bắt đầu in.
  Toner   Drum   Paper   Ready	Sẵn sàng	Máy sẵn sàng in.
  Toner   Drum   Paper   Ready	Vui lòng chờ	Máy đang nóng lên.
	In	Máy đang in.
	Làm nguội	Máy đang làm nguội. Chờ trong 10 phút hoặc đến khi bên trong máy đã nguội.

Chỉ báo đèn LED	Trạng thái	Ý nghĩa
<input type="radio"/>  Toner <input type="radio"/>  Drum <input checked="" type="radio"/>  Paper <input checked="" type="radio"/>  Ready	Hủy in	Máy đang hủy công việc.



Thông tin liên quan

- [Giới thiệu về máy Brother của bạn](#)

Truy cập Brother Utilities (Windows)


Brother Utilities là trình khởi chạy ứng dụng giúp bạn truy cập một cách tiện lợi vào tất cả các ứng dụng của Brother được cài đặt trên máy tính của bạn.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:


- (Windows 7, Windows Server 2008 và Windows Server 2008 R2)


Bấm  (**Start**) (**Bắt đầu**) > **Tất cả các chương trình** > **Brother** > **Brother Utilities**.

- (Windows 8 và Windows Server 2012)

Chạm hoặc bấm  (**Brother Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.

- (Windows 8.1 và Windows Server 2012 R2)

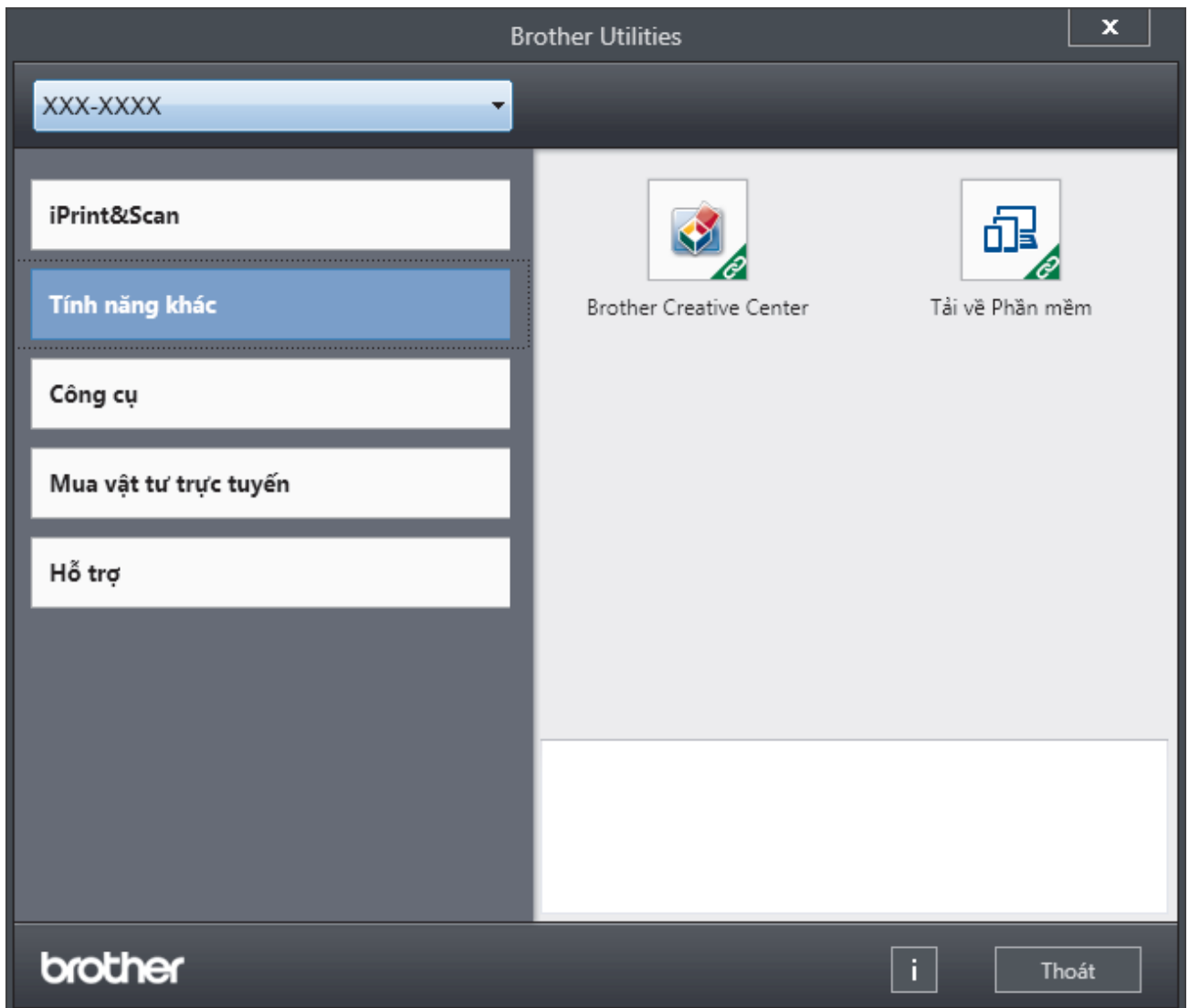
Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).

Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc bấm  (**Brother Utilities**).

- (Windows 10 và Windows Server 2016)

Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.

2. Chọn máy của bạn (trong đó XXXX là tên model của bạn).








3. Chọn thao tác bạn muốn sử dụng.



Thông tin liên quan

- Giới thiệu về máy Brother của bạn
- Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Brother (Windows)

Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Brother (Windows)

- Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - (Windows 7, Windows Server 2008 và Windows Server 2008 R2)
Nhấp vào  (**Start**) ((**Bắt đầu**)) > **Tất cả các chương trình** > **Brother** > **Brother Utilities**.
 - (Windows 8 và Windows Server 2012)
Chạm hoặc nhấp vào  (**Brother Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.
 - (Windows 8.1 và Windows Server 2012 R2)
Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).
Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc nhấp vào  (**Brother Utilities**).
 - (Windows 10 và Windows Server 2016)
Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.
- Chọn model của bạn từ danh sách thả xuống (nếu chưa chọn).
- Nhấp vào **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái.
 - Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chọn và nhấp vào **Kiểm tra ngay** > **Kiểm tra các Bản Cập nhật Phần mềm** > **Cập nhật**. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.
 - Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chuyển đến bước tiếp theo.
- Nhấp **Gỡ Cài đặt** vào **Công cụ** phần **Brother Utilities**.
Thực hiện theo các hướng dẫn trong hộp thoại để gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển.



Thông tin liên quan

- [Truy cập Brother Utilities \(Windows\)](#)

Xử lý giấy

- Nạp giấy
- Thiết đặt giấy
- Vùng không thể in
- Sử dụng giấy đặc biệt

Nạp giấy

- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy](#)
- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)

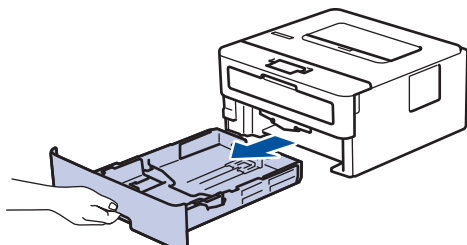
Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy

- [Nạp giấy vào Khay Giấy](#)

Nạp giấy vào Khay Giấy

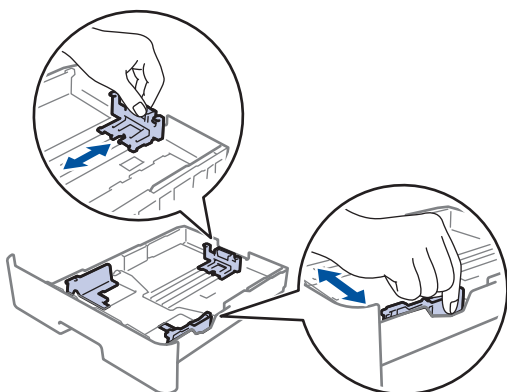
- Nếu thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy được đặt thành Bật và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không. Thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy nếu cần, thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình LCD.
- Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

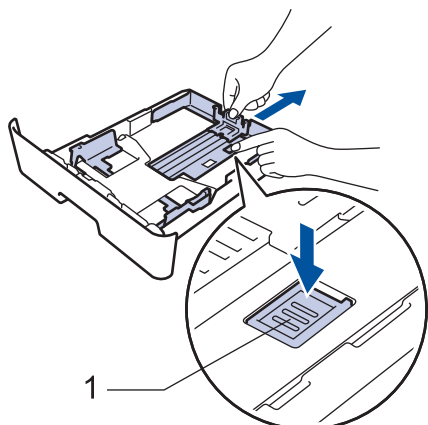


2. Bấm và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với giấy.

Bấm cần nhả màu xanh lá cây để trượt thanh dẫn giấy.

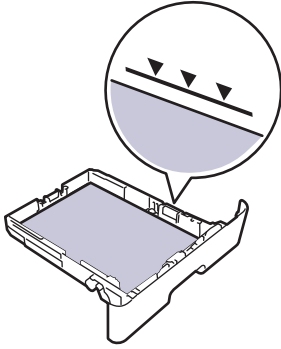


Đối với giấy khổ Legal hoặc Folio, bấm nút nhả (1) ở đáy khay giấy, rồi kéo mặt sau của khay giấy ra. (Giấy khổ Legal và Folio không có ở một số khu vực).

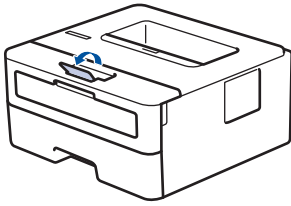


3. Tải đều chồng giấy.
4. Nạp giấy vào khay giấy với bề mặt in hướng xuống.

-
5. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).
Nạp quá nhiều giấy vào khay giấy sẽ gây ra kẹt giấy.



6. Từ từ đẩy khay giấy hoàn toàn vào trong máy.
7. Mở nắp lật đổ ra để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra.



✓ Thông tin liên quan

- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy](#)
-

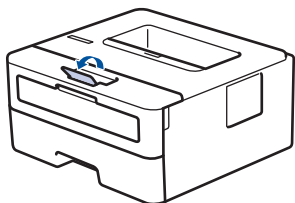
Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay

- Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

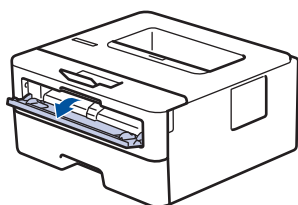
Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay

Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

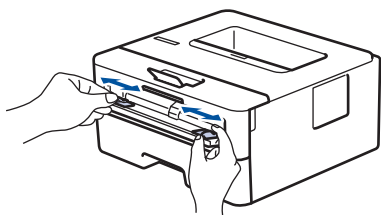
1. Nâng nắp lật đở lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.



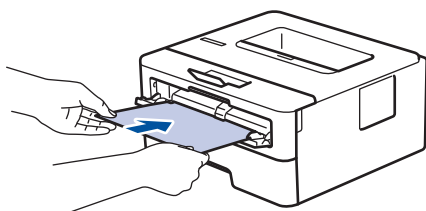
2. Mở nắp khe nạp bằng tay.



3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.



Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi máy, hãy nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.



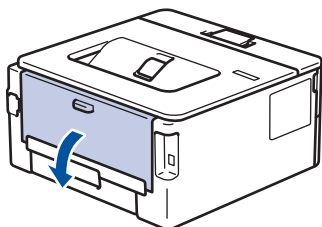
Thông tin liên quan


- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)

Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay

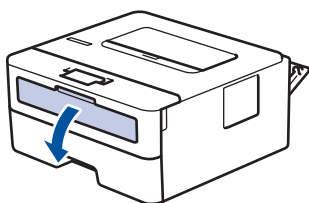
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

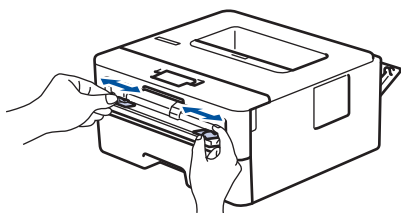


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

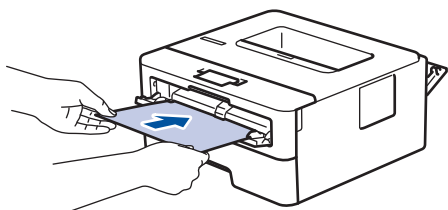
2. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.




3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.




4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- 
- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
 - Kéo giấy ra hoàn toàn khi bạn phải nạp lại giấy vào khe nạp bằng tay.
 - Không đặt nhiều hơn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
 - Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.

 Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi mặt sau của máy, nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.
7. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



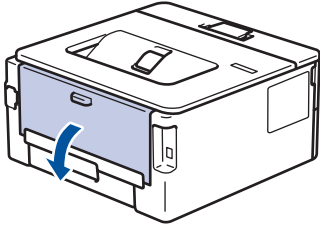
Thông tin liên quan


- Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay

Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

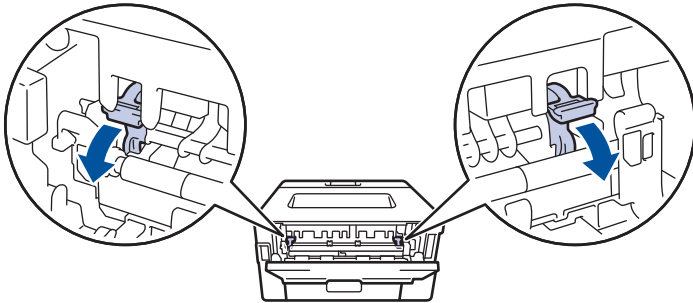
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

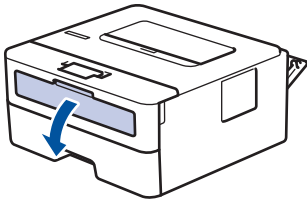


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

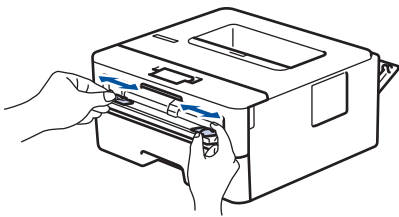
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



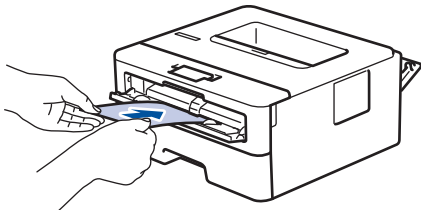
3. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



4. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



5. Dùng cả hai tay, đưa một phong bì vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.





- Nạp phong bì vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Kéo phong bì ra hoàn toàn khi bạn nạp lại phong bì vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một phong bì vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng phong bì nằm thẳng và đúng vị trí trên khe nạp bằng tay. Nếu không, phong bì có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

6. Gửi công việc in của bạn đến máy.



Thay đổi tùy chọn in của bạn trong hộp thoại In trước khi gửi công việc in từ máy tính của bạn.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	Com-10 DL C5 Monarch
Loại vật liệu in	Bao thư Bao thư Dày Bao thư Mỏng

7. Sau khi phong bì đã in xuất ra khỏi máy, hãy đặt phong bì kế tiếp vào. Lặp lại với mỗi phong bì mà bạn muốn in.
8. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
9. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



Thông tin liên quan

- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)

Thiết đặt giấy

- [Thay đổi khổ giấy và loại giấy](#)
- [Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy](#)

Thay đổi khổ giấy và loại giấy

Khi bạn thay đổi khổ giấy và loại giấy mà bạn nạp vào khay, bạn đồng thời phải thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy trên màn hình LCD.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Type (Loại giấy)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị loại giấy mà bạn muốn, và sau đó bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Size (Khổ giấy)] và sau đó bấm **OK**.
6. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị khổ giấy mà bạn muốn, và sau đó bấm **Go (Vào)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy

Model: HL-B2080DW

Khi bạn bật thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy của máy, máy sẽ hiển thị một thông báo khi bạn lấy khay giấy ra để hỏi xem bạn có thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không.

Thiết đặt mặc định là Bật.

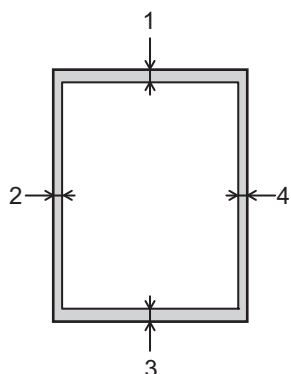
1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Check Size (Kiểm tra cỡ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **Go (Vào)**.

Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

Vùng không thể in

Các giá trị đo trong bảng bên dưới cho thấy số vùng tối đa không thể in từ các cạnh của khổ giấy thường dùng nhất. Các kích thước này có thể khác nhau tùy thuộc vào khổ giấy hoặc thiết đặt trong ứng dụng bạn đang sử dụng.



Không cố gắng in vào các vùng này; bản in của bạn sẽ không hiển thị gì ở các vùng này.

Sử dụng	Khổ tài liệu	Trên cùng (1) Dưới cùng (3)	Trái (2) Phải (4)
In	Letter	4,23 mm	4,23 mm
	A4	4,23 mm	4,23 mm
	Legal	4,23 mm	4,23 mm



Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

Sử dụng giấy đặc biệt

Luôn kiểm tra mẫu giấy trước khi mua để đảm bảo hiệu quả mong muốn.

- KHÔNG sử dụng giấy in phun; giấy này có thể gây kẹt giấy hoặc làm hỏng máy của bạn.
- Nếu bạn sử dụng giấy bông, giấy có bề mặt thô nhám hoặc giấy nhẵn hoặc nhàu, giấy này có thể làm giảm hiệu suất in.

Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu và đóng kín. Giữ giấy phẳng và tránh xa độ ẩm, ánh nắng mặt trời trực tiếp và nguồn nhiệt.

QUAN TRỌNG

Một số loại giấy có thể không hoạt động tốt hoặc có thể làm hỏng máy của bạn.

KHÔNG dùng giấy:

- có họa tiết dày đặc
- rất trơn hoặc bóng
- quăn hoặc cong
- được bao phủ hoặc có lớp phủ hóa học
- bị hỏng, nhàu hoặc bị gập
- vượt quá thông số kỹ thuật về trọng lượng được khuyến nghị trong hướng dẫn này
- có móc và ghim
- có tiêu đề ghi bằng phương pháp nhuộm nhiệt độ thấp hoặc in nhiệt
- có nhiều lớp hoặc không lót giấy than
- được thiết kế để in phun

Nếu bạn sử dụng bất kỳ loại giấy nào được liệt kê phía trên thì giấy đó có thể làm hỏng máy. Hỏng hóc này không nằm trong phạm vi của bất kỳ thỏa thuận bảo hành hoặc dịch vụ nào của Brother.



Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

In

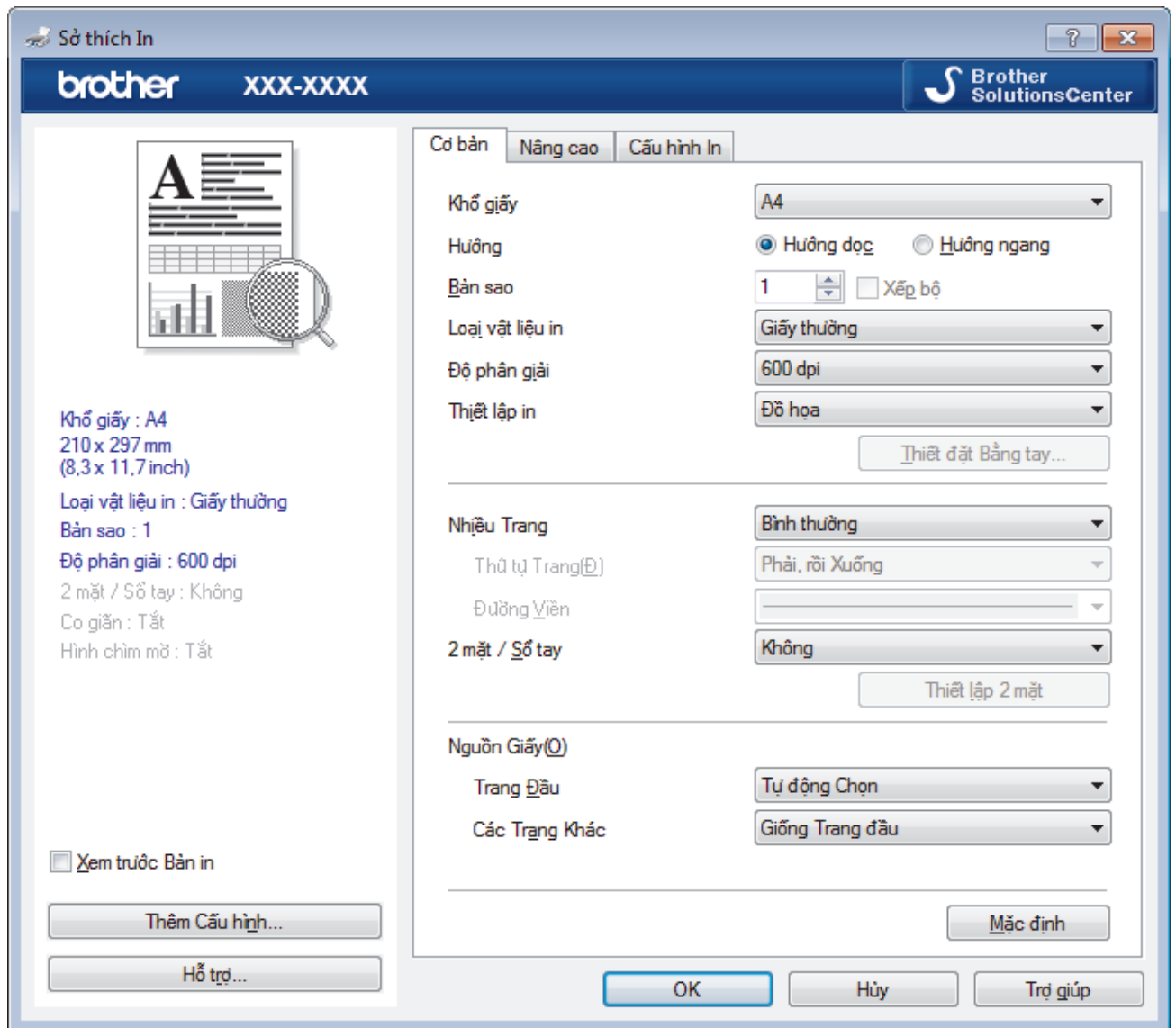
- In từ máy tính của bạn (Windows)
- In từ máy tính của bạn (Mac)
- Hủy tác vụ in
- In thử

In từ máy tính của bạn (Windows)

- In tài liệu (Windows)
- Cài đặt in (Windows)
- Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)
- Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows)

In tài liệu (Windows)

1. Chọn lệnh in trong ứng dụng của bạn.
2. Chọn **Brother XXX-XXXX** (trong đó XXXX là tên model của bạn), rồi bấm nút thuộc tính in hoặc tùy chọn. Cửa sổ trình điều khiển máy in xuất hiện.



3. Đảm bảo bạn đã nạp đúng khổ giấy vào khay giấy.
4. Bấm danh sách thả xuống **Khổ giấy**, rồi chọn khổ giấy của bạn.
5. Trong trường **Hướng**, chọn tùy chọn **Hướng dọc** hoặc **Hướng ngang** để đặt hướng bản in của bạn.



Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

6. Nhập số bản sao (1-999) mà bạn muốn trong trường **Bản sao**.
7. Bấm danh sách thả xuống **Loại vật liệu in**, rồi chọn loại giấy bạn đang sử dụng.
8. Để in nhiều trang trên một tờ giấy hoặc in một trang trong tài liệu của bạn trên nhiều tờ, bấm danh sách thả xuống **Nhiều Trang**, rồi chọn tùy chọn của bạn.
9. Thay đổi các thiết đặt máy in khác nếu cần.
10. Bấm **OK**.
11. Hoàn tất thao tác in.



Thông tin liên quan

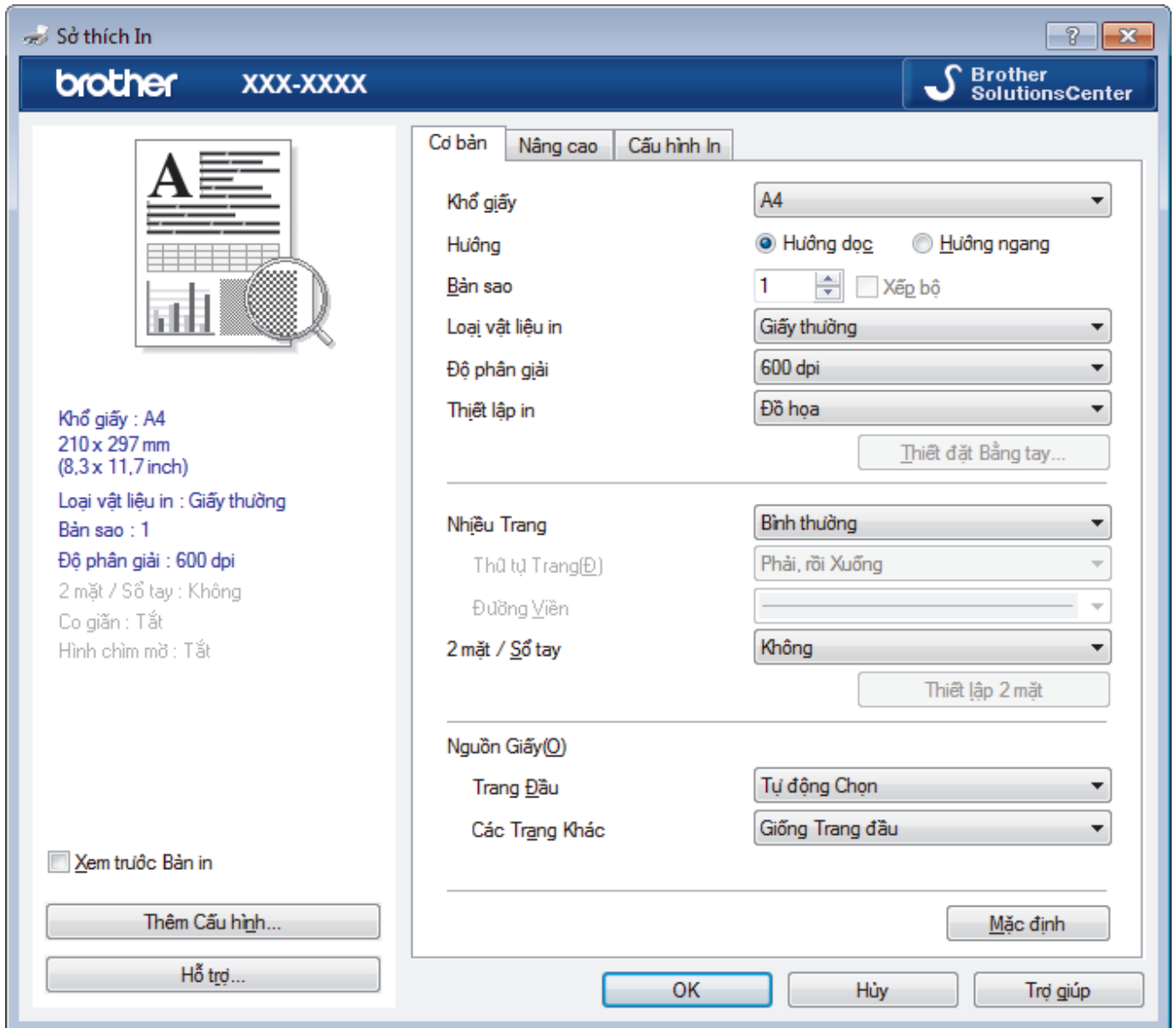
- In từ máy tính của bạn (Windows)

Chủ đề liên quan:

- Cài đặt in (Windows)

Cài đặt in (Windows)

Cơ bản Tab



1. Khổ giấy

Chọn khổ giấy mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể chọn khổ giấy tiêu chuẩn hoặc tạo một khổ giấy tùy chỉnh.

2. Hướng

Chọn hướng (đọc hoặc ngang) cho bản in của bạn.

Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

3. Bản sao

Nhập số bản sao (1-999) mà bạn muốn in vào trường này.

Xếp bộ

Chọn tùy chọn này để in bộ các tài liệu nhiều trang trong đường biên giấy gốc. Khi chọn tùy chọn này, một bản sao hoàn chỉnh tài liệu của bạn sẽ được in, rồi in lại theo số bản sao mà bạn đã chọn. Nếu chọn tùy chọn này, khi đó mỗi trang sẽ được in theo số bản sao được chọn trước khi trang tài liệu tiếp theo được in.

4. Loại vật liệu in

Chọn loại phương tiện mà bạn muốn sử dụng. Để đạt được kết quả in tốt nhất, máy tự động điều chỉnh cài đặt in của máy theo loại phương tiện được chọn.

5. Độ phân giải

Chọn độ phân giải in. Vì độ phân giải in và tốc độ in có liên quan với nhau, độ phân giải càng cao, thời gian in tài liệu càng lâu.

6. Thiết lập in

Chọn loại tài liệu mà bạn muốn in.

Thiết đặt Bằng tay...

Xác định các cài đặt nâng cao như độ sáng, độ tương phản và các cài đặt khác.

Đồ họa

In Trắng Đen

Chọn tùy chọn này để sử dụng trình điều khiển máy in để thể hiện các hình ảnh bán sắc.

Độ sáng

Xác định độ sáng.

Độ tương phản

Xác định độ tương phản.

Chất lượng Đồ họa

Chọn Đồ họa hoặc Văn bản để có chất lượng in tốt nhất dựa trên loại tài liệu mà bạn đang in.

Cải thiện In Màu xám

Chọn tùy chọn này để nâng cao chất lượng hình ảnh của các khu vực bóng mờ.

Cải thiện In Mẫu

Chọn tùy chọn này để cải thiện in hoa văn nền và hoa văn được in khác với nền và hoa văn bạn thấy trên màn hình máy tính.

Cải thiện Nét mỏng

Chọn tùy chọn này để cải thiện chất lượng hình ảnh của những đường mảnh.

Sử dụng Bán sắc Hệ thống

Chọn tùy chọn này để sử dụng Windows để thể hiện các hình ảnh bán sắc.

Chế độ TrueType (Chỉ có ở một số model nhất định)

Chế độ

Chọn cách phong chữ được xử lý để in.

Sử dụng Phong chữ TrueType Máy in

Chọn có sử dụng phong chữ tích hợp sẵn cho quá trình xử lý phong chữ hay không.

7. Nhiều Trang

Chọn tùy chọn này để in nhiều trang trên một tờ giấy hoặc in một trang tài liệu của bạn trên nhiều tờ giấy.

Thứ tự Trang

Chọn thứ tự trang khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

Đường Viền

Chọn loại đường biên được sử dụng khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

8. 2 mặt / Sổ tay

Chọn tùy chọn này để in trên hai mặt giấy hoặc in tài liệu theo định dạng booklet sử dụng tính năng in hai mặt.

nút Thiết lập 2 mặt

Nhấp vào nút này để chọn kiểu liên kết hai mặt. Bốn loại liên kết hai mặt có sẵn cho mỗi hướng.

9. Nguồn Giấy

Chọn cài đặt nguồn giấy theo điều kiện và mục đích in của bạn.

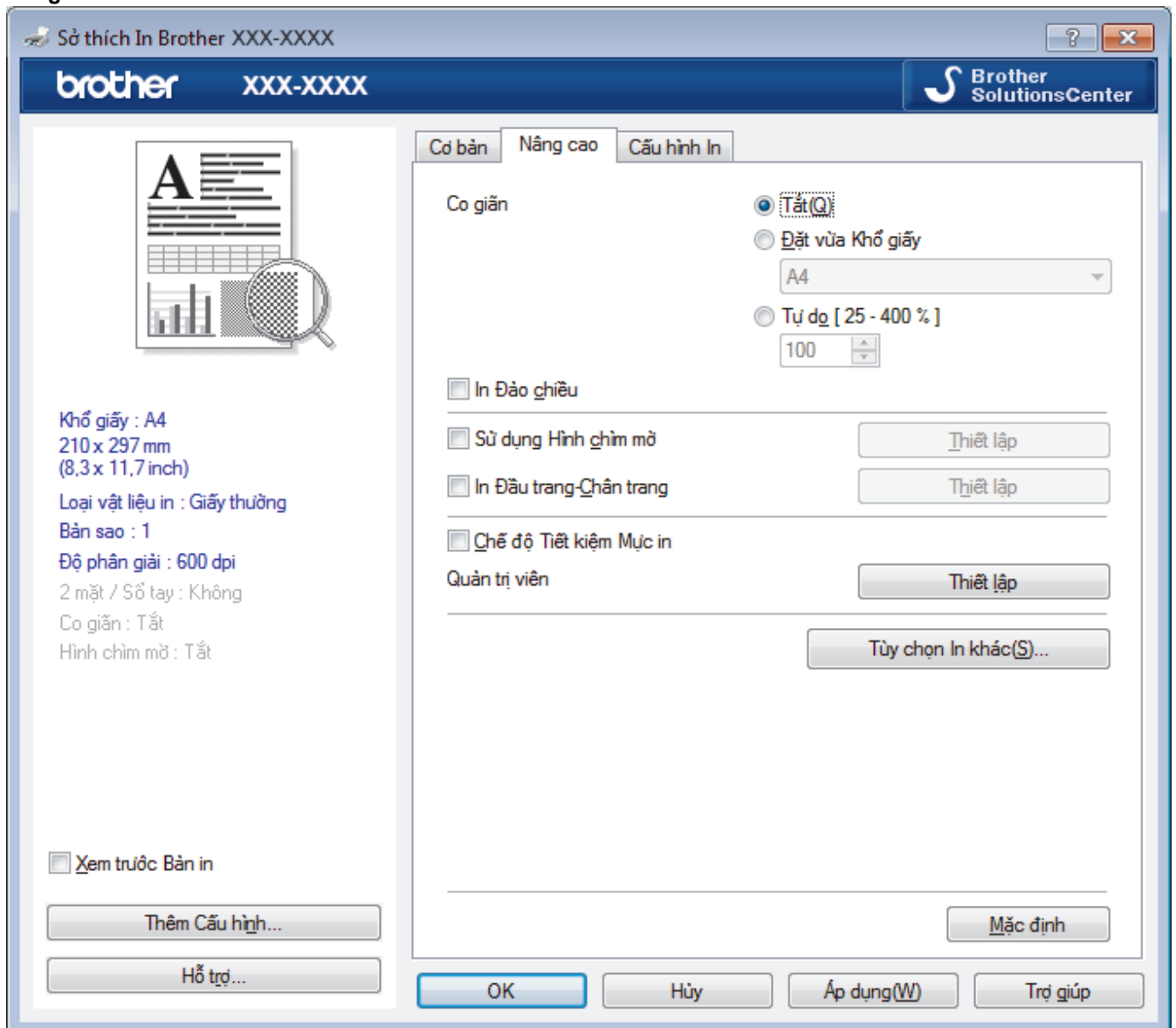
Trang Đầu

Chọn nguồn giấy để sử dụng in trang đầu tiên.

Các Trang Khác

Chọn nguồn giấy để sử dụng để in các trang thứ hai và tiếp theo.

Nâng cao Tab



1. Co giãn

Chọn các tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ khổ giấy trong tài liệu của bạn.

Đặt vừa Khổ giấy

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ các trang tài liệu phù hợp với khổ giấy quy định. Khi bạn chọn tùy chọn này, hãy chọn khổ giấy mà bạn muốn từ danh sách thả xuống.

Tỷ lệ [25 - 400 %]

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ giấy của tài liệu theo cách thủ công. Khi bạn chọn tùy chọn này, hãy nhập giá trị vào trường.

2. In Đảo chiều

Chọn tùy chọn này để xoay hình ảnh in 180 độ.

3. Sử dụng Hình chìm mờ

Chọn tùy chọn này để in logo hoặc văn bản trên tài liệu của bạn dưới dạng hình mờ. Chọn một trong các hình chìm mờ cài đặt sẵn, thêm hình chìm mờ mới hoặc sử dụng tập tin hình ảnh bạn đã tạo.

4. In Đầu trang-Chân trang

Chọn tùy chọn này để in ngày, giờ và tên người dùng đăng nhập PC trên tài liệu.

5. Chế độ Tiết kiệm Mực in

Chọn tính năng này để tiết kiệm mực bằng cách sử dụng ít mực hơn để in tài liệu; bản in sẽ nhạt hơn, nhưng vẫn có thể đọc được.

6. Quản trị viên

Tính năng này cho phép bạn thay đổi mật khẩu quản trị viên và giới hạn nhiều chức năng in khác nhau.

7. Xác thực Người dùng (Chỉ có ở một số model nhất định)

Tính năng này cho phép bạn xác nhận các giới hạn cho mỗi người dùng.

8. nút Tùy chọn In khác

Thời gian Ngủ

Chọn tùy chọn này để thiết đặt máy nhập chế độ nghỉ ngay lập tức sau khi in.

Macro (Chỉ có ở một số model nhất định)

Chọn tính năng này để in một mẫu đơn điện tử (macro), mà bạn đã lưu trong bộ nhớ máy của bạn, xếp chồng lên tác vụ in.

Điều chỉnh Mật độ

Xác định mật độ in.

Cải thiện Bản in ra

Chọn tùy chọn này để giảm lượng giấy xoắn và cải thiện ổn định mực.

Bỏ qua Trang trống

Chọn tùy chọn này để cho phép trình điều khiển máy in tự động phát hiện trang trắng và loại bỏ trang trắng khi in.

In Văn bản bằng mực Đen

Chọn tùy chọn này khi bạn muốn in văn bản màu bằng màu đen.

In Lưu trữ

Chọn tùy chọn này để lưu dữ liệu in thành tệp PDF vào máy tính của bạn.

Chế độ tiết kiệm

Chọn tùy chọn này để giảm độ ồn khi in.



Thông tin liên quan




- [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)

Chủ đề liên quan:

- [In tài liệu \(Windows\)](#)
-

Thay đổi thiết đặt in mặc định (Windows)

Khi bạn thay đổi các cài đặt in của một ứng dụng, các thay đổi chỉ áp dụng cho các tài liệu được in với ứng dụng đó. Để thay đổi cài đặt in cho tất cả các ứng dụng của Windows, bạn phải cấu hình các thuộc tính của trình điều khiển máy in.

- Thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Đối với Windows Server 2008
Nhấp vào  (**Start**) (**Bắt đầu**) > **Control Panel (Bảng điều khiển)** > **Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh)** > **Printers (Máy in)**.
 - Đối với Windows 7 và Windows Server 2008 R2
Nhấp vào  (**Bắt đầu**) > **Thiết bị và Máy in**.
 - Đối với Windows 8
Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm **Thiết đặt**, rồi bấm **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, bấm **Xem thiết bị và máy in**.
 - Đối với Windows 10 và Windows Server 2016
Nhấp vào  > **Hệ thống Windows** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, nhấp vào **Xem thiết bị và máy in**.
 - Đối với Windows Server 2012
Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm **Thiết đặt**, rồi bấm **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng**, bấm **Xem thiết bị và máy in**.
 - Đối với Windows Server 2012 R2
Bấm **Control Panel (Bảng điều khiển)** trên màn hình **Start**. Trong nhóm **Hardware**, bấm **Xem thiết bị và máy in**.
- Nhấp chuột phải vào biểu tượng **Brother XXX-XXXX** (trong đó XXXX là tên dòng máy của bạn), rồi chọn **Thuộc tính Máy in**. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn.
- Bấm vào tab **Chung**, rồi bấm nút **Printing Preferences... (Tùy chọn in...)** hoặc **Sở thích....**
Hộp thoại trình điều khiển máy in xuất hiện.
 - Để cấu hình cài đặt khay, nhấp vào tab **Thiết lập thiết bị** (Chỉ có ở một số model nhất định).
 - Để thay đổi cổng máy in, bấm vào tab **Cổng**.
- Chọn thiết đặt in mà bạn muốn sử dụng làm mặc định cho tất cả chương trình Windows.
- Bấm **OK**.
- Đóng hộp thoại thuộc tính máy in.




Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)

Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows)

Tiện ích Status Monitor là công cụ phần mềm giúp giám sát trạng thái của một hoặc nhiều thiết bị, cho phép bạn nhận thông báo lỗi tức thì.

Thực hiện một trong các thao tác sau:


- Bấm đúp vào biểu tượng  trên khay tác vụ.

- (Windows 7, Windows Server 2008 và Windows Server 2008 R2)



Nhấp vào  (**Bắt đầu**) > **Tất cả các chương trình** > **Brother** > **Brother Utilities**.

Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

- (Windows 8 và Windows Server 2012)

Bấm  (**Brother Utilities**), rồi bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

- (Windows 8.1 và Windows Server 2012 R2)

Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, trượt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động màn hình **Ứng dụng**). Khi xuất hiện màn hình **Ứng dụng**, gõ hoặc nhấp vào  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

- (Windows 10 và Windows Server 2016)

Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.

Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Status Monitor**.

Xử lý sự cố

Bấm nút **Xử lý sự cố** để truy cập trang web xử lý sự cố.

Tìm kiếm vật tư thay thế.

Bấm nút **Tìm kiếm vật tư thay thế**, để biết thêm thông tin về vật tư chính hãng Brother.

Thông tin liên quan

• [In từ máy tính của bạn \(Windows\)](#)

Chủ đề liên quan:

• [Vấn đề khi in](#)

In từ máy tính của bạn (Mac)

- [In tài liệu \(Mac\)](#)
- [Tùy chọn in \(Mac\)](#)
- [Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)

In tài liệu (Mac)

1. Đảm bảo bạn đã nạp đúng khổ giấy vào khay giấy.
2. Từ ứng dụng, như Apple TextEdit, bấm vào menu **File (Tập tin)**, rồi chọn **Print (In)**.
3. Chọn **Brother XXX-XXXX** (trong đó XXXX là tên dòng máy của bạn).
4. Nhập số bản sao mà bạn muốn trong trường **Copies (Số bản)**.
5. Bấm menu bật lên **Paper Size (Khổ giấy)**, rồi chọn khổ giấy của bạn .
6. Chọn tùy chọn **Orientation (Hướng)** phù hợp với cách mà bạn muốn in tài liệu.
7. Bấm menu bật lên của ứng dụng, rồi chọn **Print Settings (Thiết đặt in)**.
Tùy chọn **Print Settings (Thiết đặt in)** xuất hiện.
8. Bấm vào menu bật lên **Media Type (Loại phương tiện)**, rồi chọn loại giấy mà bạn đang sử dụng.
9. Thay đổi các thiết đặt máy in khác nếu cần.
10. Bấm **Print (In)**.



Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)

Chủ đề liên quan:

- [Tùy chọn in \(Mac\)](#)

Tùy chọn in (Mac)

Thiết lập trang

Settings: **Page Attributes**

Format For: **XXX-XXXX**
Brother XXX-XXXX CUPS

Paper Size: **A4**
210 by 297 mm

Orientation: Portrait Landscape

Scale: **100** %

? Cancel OK

1. Paper Size (Khổ giấy)

Chọn khổ giấy mà bạn muốn sử dụng. Bạn có thể chọn khổ giấy tiêu chuẩn hoặc tạo một khổ giấy tùy chỉnh.

2. Orientation (Hướng)

Chọn hướng (đọc hoặc ngang) cho bản in của bạn.

Nếu ứng dụng của bạn có một cài đặt tương tự, chúng tôi khuyên bạn nên thiết đặt hướng sử dụng ứng dụng.

3. Scale (Co giãn)

Nhập giá trị vào trường để phóng to hoặc thu nhỏ các trang trong tài liệu của bạn để phù hợp với khổ giấy được chọn.

Layout (Bố cục)

Printer: XXX-XXXX

Presets: Default Settings

Copies: 1 Two-Sided

Pages: All
 From: 1 to: 1

Paper Size: A4 210 by 297 mm

Orientation: Portrait Landscape

Layout: Layout

Pages per Sheet: 1

Layout Direction: Z S M N

Border: None

Two-Sided: Off

Reverse page orientation
 Flip horizontally

? PDF Hide Details Cancel Print

1. Pages Per Sheet (Số trang trên tờ)

Chọn số trang để in trên một tờ giấy.

2. Layout Direction (Hướng bố cục)

Chọn thứ tự trang khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

3. Border (Đường viền)

Chọn loại đường biên được sử dụng khi in nhiều trang trên một tờ giấy.

4. Two-Sided (Hai mặt)

Chọn xem có in trên cả hai mặt giấy hay không.

5. Reverse page orientation (Hướng giấy ngược lại)

Chọn tùy chọn này để xoay hình ảnh in 180 độ.

6. Flip horizontally (Lật ngang)

Chọn tùy chọn này để đảo ngược hình ảnh in trên trang theo chiều ngang từ trái sang phải.

Paper Handling (Xử lý giấy)

Printer: XXX-XXXX

Presets: Default Settings

Copies: 1 Two-Sided

Pages: All
 From: 1 to: 1

Paper Size: A4 210 by 297 mm

Orientation:

Paper Handling

Collate pages

Pages to Print: All pages

Page Order: Automatic

Scale to fit paper size

Destination Paper Size: Suggested Paper: A4

Scale down only

? PDF Hide Details Cancel Print

1. Collate pages (Sắp xếp trang)

Chọn tùy chọn này để in bộ các tài liệu nhiều trang trong đường biên giấy gốc. Khi chọn tùy chọn này, một bản sao hoàn chỉnh tài liệu của bạn sẽ được in, rồi in lại theo số bản sao mà bạn đã chọn. Nếu chọn tùy chọn này, khi đó mỗi trang sẽ được in theo số bản sao được chọn trước khi trang tài liệu tiếp theo được in.

2. Pages to Print (Trang sẽ in)

Chọn trang bạn muốn in (trang chẵn hay trang lẻ).

3. Page Order (Thứ tự Trang)

Chọn thứ tự trang.

4. Scale to fit paper size (Co giãn vừa với khổ giấy)

Chọn tùy chọn này để phóng to hoặc thu nhỏ các trang trong tài liệu của bạn để phù hợp với khổ giấy được chọn.

5. Destination Paper Size (Khổ giấy đích)

Chọn khổ giấy để in.

6. Scale down only (Chỉ co lại)

Chọn tùy chọn này nếu bạn muốn thu nhỏ các trang trong tài liệu khi chúng quá lớn so với khổ giấy được chọn. Nếu tùy chọn này được chọn và tài liệu được định dạng dành cho khổ giấy nhỏ hơn khổ giấy bạn đang sử dụng, tài liệu sẽ được in ở khổ gốc.

Print Settings (Thiết đặt in)

Printer: XXX-XXXX

Presets: Default Settings

Copies: 1 Two-Sided

Pages: All
 From: 1 to: 1

Paper Size: A4 210 by 297 mm

Orientation: Portrait Landscape

Print Settings

Media Type: Plain Paper

Print Quality: 600 dpi

Paper Source: Auto Select

▶ Advanced

? PDF Hide Details Cancel Print

1. Media Type (Loại phương tiện)

Chọn loại phương tiện mà bạn muốn sử dụng. Để đạt được kết quả in tốt nhất, máy tự động điều chỉnh cài đặt in của máy theo loại phương tiện được chọn.

2. Print Quality (Chất lượng in)

Chọn độ phân giải in mà bạn muốn. Vì chất lượng in và tốc độ in có liên quan với nhau, chất lượng càng cao, thời gian in tài liệu sẽ càng lâu.

3. Paper Source (Nguồn giấy)

Chọn cài đặt nguồn giấy theo điều kiện và mục đích in của bạn.

4. Advanced (Nâng cao)

Toner Save Mode (Chế độ tiết kiệm mực)

Chọn tính năng này để tiết kiệm mực bằng cách sử dụng ít mực hơn để in tài liệu; bản in sẽ nhạt hơn, nhưng vẫn có thể đọc được.

Graphics Quality (Chất lượng đồ họa)

Chọn Đồ họa hoặc Văn bản để có chất lượng in tốt nhất dựa trên loại tài liệu mà bạn đang in.

Improve Print Output (Cải thiện bản in ra)

Chọn tùy chọn này để giảm lượng giấy xoắn và cải thiện ổn định mực.

Density Adjustment (Điều chỉnh mật độ)

Xác định mật độ in.

Sleep Time (Thời gian ngủ)

Xác định lượng thời gian trôi qua trước khi máy nhập Chế độ Ngủ.

Quiet Mode (Chế độ im lặng)

Chọn tùy chọn này để giảm độ ồn khi in.

Other Print Options (Tùy chọn in khác)

Skip Blank Page (Bỏ qua trang trắng)

Chọn tùy chọn này để cho phép trình điều khiển máy in tự động phát hiện trang trắng và loại bỏ trang trắng khi in.

Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)

Chủ đề liên quan:

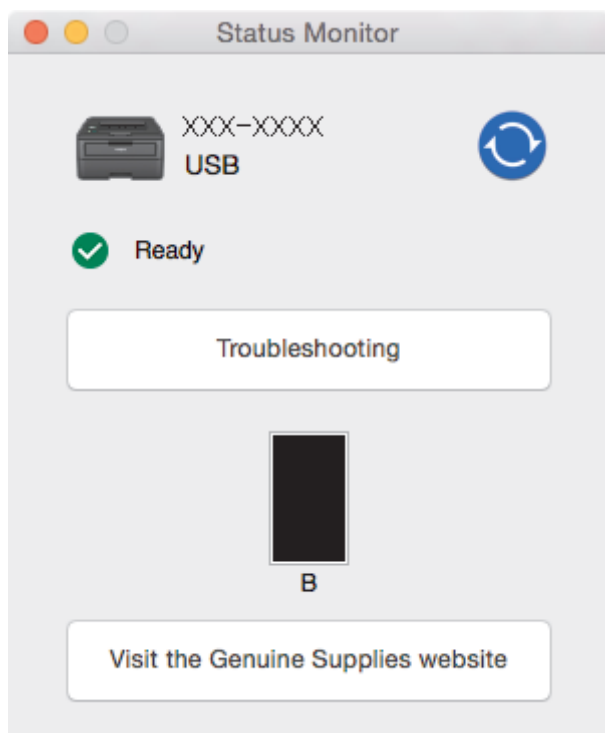
- [In tài liệu \(Mac\)](#)
-

Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Mac)

Tiện ích Status Monitor là công cụ phần mềm giúp giám sát trạng thái của một thiết bị, cho phép bạn nhận thông báo lỗi tức thì, chẳng hạn như không có giấy hoặc kẹt giấy, theo các khoảng thời gian cập nhật cài đặt sẵn. Bạn cũng có thể truy cập Quản lý trên nền web.

1. Bấm vào menu **System Preferences (Tùy chọn hệ thống)**, chọn **Print & Scan (In & quét)** hoặc **Printers & Scanners (Máy in & máy quét)**, rồi chọn máy của bạn.
2. Bấm nút **Options & Supplies (Tùy chọn & vật tư)**.
3. Bấm tab **Utility (Tiện ích)**, rồi bấm nút **Open Printer Utility (Mở tiện ích máy in)**.

Status Monitor khởi động.




Troubleshooting (Xử lý sự cố)

Bấm nút **Troubleshooting (Xử lý sự cố)** để truy cập trang web xử lý sự cố.

Visit the Genuine Supplies website (Tìm kiếm vật tư thay thế.)

Bấm nút **Visit the Genuine Supplies website (Tìm kiếm vật tư thay thế.)** để biết thêm thông tin về vật tư chính hãng Brother.

Cập nhật trạng thái của máy

Để xem trạng thái máy mới nhất trong khi cửa sổ **Status Monitor** mở, bấm vào biểu tượng . Bạn có thể thiết đặt khoảng thời gian cập nhật thông tin trạng thái máy của phần mềm. Bấm vào **Brother Status Monitor** trong thanh menu, rồi chọn **Preferences (Tùy chọn)**.

Quản lý trên nền web (Chỉ kết nối mạng)

Truy cập Hệ thống Quản lý trên nền web bằng cách bấm vào biểu tượng máy trên màn hình **Status Monitor**. Bạn có thể sử dụng Trình duyệt web thông thường để quản lý máy của mình bằng HTTP (Hyper Text Transfer Protocol - Giao thức truyền siêu văn bản).

✓ Thông tin liên quan

- [In từ máy tính của bạn \(Mac\)](#)

Chủ đề liên quan:

- [Vấn đề khi in](#)

Hủy tác vụ in

1. Trên bảng điều khiển của máy, bấm và giữ **Go (Vào)** trong khoảng 2 giây để hủy công việc in hiện tại.



Để hủy nhiều tác vụ in, bấm và giữ **Go (Vào)** trong sáu giây.



Thông tin liên quan

- [In](#)

Chủ đề liên quan:

- [Vấn đề khi in](#)

In thử

Model: HL-B2080DW

Nếu có vấn đề với chất lượng in, hãy làm theo các hướng dẫn sau để in thử:

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Printer (Máy in)], rồi bấm **OK**.
2. (HL-B2080DW)
Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Options (Tùy chọn in)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Test Print (In thử)], rồi bấm **Go (Vào)**.

Máy sẽ in trang kiểm tra.

✓ Thông tin liên quan

- [In](#)

Chủ đề liên quan:

- [Cải thiện chất lượng in](#)

Xử lý sự cố

Sử dụng phần này để giải quyết các vấn đề thông thường mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy Brother. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi cho bộ phận dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng Brother ở địa phương.

Sử dụng vật tư không phải của Brother có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.



Nếu bạn cần trợ giúp thêm, hãy truy cập Brother Solutions Center tại support.brother.com.

Trước hết, hãy kiểm tra những điều sau đây:

- Dây nguồn của máy được kết nối đúng và nguồn máy đang bật. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Tất cả các vật liệu bảo vệ đã được tháo. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Giấy được nạp đúng vào khay giấy.
- Cáp giao diện được kết nối chắc chắn với máy và máy tính hoặc kết nối không dây được cài đặt trên cả máy và máy tính của bạn.
- Thông báo lỗi và bảo trì

Nếu bạn không giải quyết được vấn đề bằng các lần kiểm tra, hãy xác định vấn đề rồi >> *Thông tin liên quan*



Thông tin liên quan

















- Lỗi và Chỉ dẫn Bảo trì
- Thông báo lỗi và bảo trì
- Kẹt giấy
- Vấn đề khi in
- Cải thiện chất lượng in
- Vấn đề về mạng
- Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google
- Các vấn đề về AirPrint
- Các vấn đề khác
- Thông tin về máy









Lỗi và Chỉ dẫn Bảo trì















Model: HL-B2000D

Như với bất kỳ sản phẩm văn phòng phức tạp nào, lỗi có thể xảy ra và vật tư có thể phải thay thế. Nếu điều này xảy ra, máy của bạn sẽ xác định lỗi hoặc bảo trì thường lệ bắt buộc và Status Monitor sẽ chỉ báo thông báo phù hợp. Các chỉ báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.

Làm theo hướng dẫn trong phần Hành động để cải thiện tình trạng.

Chỉ báo đèn LED	Status Monitor	Nguyên nhân	Hành động
 Toner  Drum  Paper  Ready	Mực sắp hết	Nếu Status Monitor hiển thị Mực sắp hết thì bạn vẫn có thể in; tuy nhiên, máy đang báo cho bạn biết rằng hộp mực đã gần hết tuổi thọ.	Đặt mua hộp mực mới ngay để có sẵn hộp mực thay thế khi Status Monitor hiển thị Thay thế Mực in .
 Toner  Drum  Paper  Ready	Thay thế Mực in	Hộp mực hết tuổi thọ. Máy dừng tất cả các thao tác in.	Thay hộp mực mới vào.
 Toner  Drum  Paper  Ready	Lỗi Hộp mực	Hộp mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy. Lấy hộp mực ra, rồi lắp lại vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.
	Không có Mực in	Hộp mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay hộp mực mới vào.
 Toner  Drum  Paper  Ready	Lỗi Trống từ!	Dây corona trên bộ trống mực phải được vệ sinh.	Làm sạch dây corona trên bộ trống mực.
		Bộ trống mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực, tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay bộ trống mực mới vào.

Chỉ báo đèn LED	Status Monitor	Nguyên nhân	Hành động
<input type="radio"/>  Toner <input checked="" type="radio"/>  Drum <input type="radio"/>  Paper <input checked="" type="radio"/>  Ready	Thay Mực	Đã đến lúc thay bộ trống mực.	Thay bộ trống mực mới vào.
		Bộ đếm của bộ trống mực đã không được đặt lại khi tháo trống mực trước ra.	Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực.
<input type="radio"/>  Toner <input type="radio"/>  Drum <input checked="" type="radio"/>  Paper <input type="radio"/>  Ready	Nắp đang Mở	Nắp phía trước không được đóng hoàn toàn.	Mở, rồi đóng chặt nắp phía trước của máy.
		Nắp bộ sấy mực không được đóng hoàn toàn hoặc giấy bị kẹt ở phía sau máy khi bạn bật nguồn.	<ul style="list-style-type: none"> Đóng nắp bộ sấy mực bên trong nắp lưng của máy. Đảm bảo giấy không bị kẹt bên trong nắp phía sau của máy, rồi đóng nắp bộ sấy.
	Tắt In 2 mặt (Đối với model in 2 mặt tự động)	Nắp lưng của máy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp lưng của máy cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.
		Khay in 2 mặt không được lắp vào hoàn toàn.	Lắp đặt chắc chắn khay in 2 mặt vào máy.
	Kẹt 2 mặt (Đối với model in 2 mặt tự động)	Giấy bị kẹt bên dưới khay giấy 2 mặt hoặc bộ sấy mực.	Lấy giấy bị kẹt ra khỏi khay giấy 2 mặt hoặc bộ sấy mực.
	Kẹt Bên trong	Giấy bị kẹt bên trong máy.	Mở nắp phía trước, tháo trống mực và mực in, rồi lấy giấy bị kẹt ra.
	Kẹt Phía sau	Giấy bị kẹt trong bộ phận phía sau của máy.	Mở nắp khối sấy và lấy toàn bộ giấy kẹt ra. Đóng nắp khối sấy.
	Khay Kẹt	Giấy bị kẹt trong khay giấy.	Kéo khay giấy ra hẳn, mở nắp phía trước và nắp khối sấy để loại bỏ toàn bộ giấy kẹt.
	Hết Bộ nhớ	Bộ nhớ của máy đầy.	Giảm độ phân giải in.
	Lỗi K.thước DX (Đối với model in 2 mặt tự động)	Khổ giấy được chỉ định trong trình điều khiển máy in không sử dụng được với in 2 mặt tự động.	Bấm Go (Vào) . Chọn khổ giấy được khay in hai mặt hỗ trợ. Khổ giấy sử dụng được với in 2 mặt tự động là A4.
Khổ giấy trong khay không đúng và không sử dụng được với in 2 mặt tự động.		Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khay phù hợp với khổ giấy đó. Khổ giấy sử dụng được với in 2 mặt tự động là A4.	
Không khớp Cỡ	Khổ giấy trong khay không đúng.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khổ giấy đó phù hợp với khay.	

Chỉ báo đèn LED	Status Monitor	Nguyên nhân	Hành động
<ul style="list-style-type: none"> <input type="radio"/>  Toner <input type="radio"/>  Drum <input checked="" type="radio"/>  Paper <input type="radio"/>  Ready 	Nạp Bằng tay	Bằng tay được chọn làm nguồn giấy trong trình điều khiển máy in, nhưng không có giấy trong khe nạp bằng tay.	Đưa giấy vào khe nạp bằng tay.
	Không có Giấy	Máy hết giấy hoặc giấy không được nạp đúng vào khay giấy.	<ul style="list-style-type: none"> • Nạp lại giấy lại vào khay giấy. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. • Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.
<ul style="list-style-type: none"> <input checked="" type="radio"/>  Toner <input type="radio"/>  Drum <input checked="" type="radio"/>  Paper <input type="radio"/>  Ready 	Mực in đã hết (Chế độ Tiếp tục)	Đã đến lúc thay hộp mực.	Thay hộp mực bằng hộp mực mới.
<ul style="list-style-type: none"> <input checked="" type="radio"/>  Toner <input checked="" type="radio"/>  Drum <input checked="" type="radio"/>  Paper <input checked="" type="radio"/>  Ready 	Tự Chẩn đoán	Nhiệt độ của bộ sấy mực không tăng đến nhiệt độ đã quy định trong thời gian quy định. Bộ sấy mực quá nóng.	Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài giây, rồi bật lại máy. Vẫn để nguồn bật, để máy ở chế độ nghỉ trong 15 phút.
	Không thể In	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> • Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy. • Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng của Brother.

Thông tin liên quan

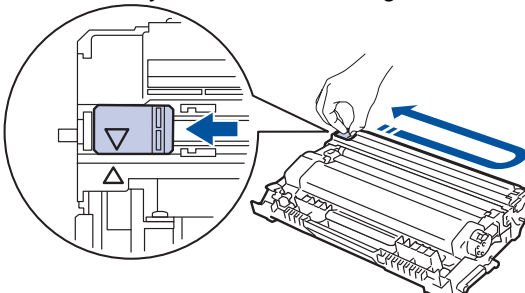
- [Xử lý sự cố](#)
- Chủ đề liên quan:**
- [Thay thế vật tư.](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)
- [Vệ sinh Dây Corona](#)


Thông báo lỗi và bảo trì


Như với bất kỳ sản phẩm văn phòng phức tạp nào, lỗi có thể xảy ra và vật tư có thể phải thay thế. Nếu điều này xảy ra, máy của bạn sẽ xác định lỗi hoặc bảo trì thường lệ bắt buộc và hiển thị thông báo thích hợp. Các thông báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.

Thực hiện theo hướng dẫn trong cột **Hành động** để xử lý lỗi và loại bỏ thông báo lỗi.

Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các lỗi và thực hiện bảo trì thường lệ. Nếu bạn cần thêm các mẹo khắc phục sự cố: Vui lòng truy cập support.brother.com, và nhấp vào trang **FAQs & Troubleshooting (Các câu hỏi thường gặp & Cách giải quyết)**.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
2-sided Disabled (Đã vô hiệu 2 mặt)	Nắp lưng của máy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp lưng của máy cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.
	Khay in 2 mặt không được lắp vào hoàn toàn.	Lắp đặt chắc chắn khay in 2 mặt vào máy.
Cartridge Error (Lỗi hộp mực)	Hộp mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Lấy hộp mực ra, rồi lắp lại vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.
Cooling Down (Làm nguội)	Nhiệt độ bên trong máy quá nóng. Máy tạm dừng công việc in hiện tại của máy và đi vào chế độ làm nguội.	Hãy chờ cho đến khi máy đã hoàn thành làm nguội. Đảm bảo tất cả các cửa thông gió trên máy không có vật cản. Khi máy đã nguội, máy sẽ khôi phục lại công tác in. Nếu quạt không quay, ngắt kết nối máy khỏi nguồn điện trong vài phút, rồi kết nối lại.
Cover is Open (Nắp đang mở)	Nắp phía trước không được đóng hoàn toàn.	Mở, rồi đóng chặt nắp phía trước của máy.
Cover is Open (Nắp đang mở)	Nắp khối sấy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp bộ sấy mực bên trong nắp lưng của máy.
Drum ! (Trống !)	Dây corona trên bộ trống mực phải được vệ sinh.	Làm sạch dây corona trên bộ trống mực.  ➤➤ Thông tin liên quan: Vệ sinh Dây Corona Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay bộ trống mực mới vào.
	Bộ trống mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo bộ trống mực, tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại bộ trống mực vào máy.
Drum End Soon (Trống sắp hỏng)	Bộ trống mực gần hết tuổi thọ.	Đặt mua bộ trống mực mới trước khi màn hình LCD hiển thị Replace Drum (Thay trống).
Jam 2-sided (Kẹt 2 mặt)	Giấy bị kẹt trong khay giấy 2 mặt hoặc bên trong nắp sau.	Tháo khay giấy 2 mặt và mở nắp sau để kéo toàn bộ giấy kẹt ra.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Jam Inside (Kẹt giấy trong máy)	Giấy bị kẹt bên trong máy.	Mở nắp phía trước và tháo cụm hộp mực và bộ trống mực, và kéo toàn bộ giấy kẹt ra. Đóng nắp phía trước.
Jam Rear (Kẹt phía sau máy)	Giấy bị kẹt trong bộ phận phía sau của máy.	Mở nắp khối sấy và lấy toàn bộ giấy kẹt ra. Đóng nắp khối sấy.
Jam Tray 1 (Kẹt khay 1)	Giấy bị kẹt trong khay giấy được chỉ báo.	Kéo khay giấy được chỉ báo trên màn hình LCD ra và loại bỏ toàn bộ giấy kẹt.
Manual Feed (Nạp bằng tay)	Bảng tay được chọn làm nguồn giấy trong trình điều khiển máy in, nhưng không có giấy trong khe nạp bằng tay.	Đưa giấy vào khe nạp bằng tay.
Media Mismatch (Môi trường không phù hợp)	Loại phương tiện được xác định trong trình điều khiển máy in khác với loại giấy được xác định trong menu của máy.	Nạp đúng loại giấy được chỉ báo trên màn hình LCD, rồi chọn đúng loại phương tiện trong phần cài đặt Loại giấy trên máy.
No Drum Unit (Không có Bộ Trống từ)	Bộ trống mực không được lắp đúng.	Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực.
No Paper (Không có giấy)	Máy hết giấy hoặc giấy không được nạp đúng vào khay giấy.	<ul style="list-style-type: none"> Nạp lại giấy lại vào khay giấy. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.
No Paper T1 (Không có giấy T1)	Máy không thể nạp giấy từ khay giấy được chỉ báo.	Thực hiện một trong các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"> Nạp lại giấy vào khay giấy được chỉ báo trên màn hình LCD. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. Không nạp quá nhiều giấy vào khay giấy.
No Toner (Không có hộp mực)	Hộp mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay hộp mực mới vào.
Out of Memory (Hết bộ nhớ)	Bộ nhớ của máy đầy.	Bấm và giữ Go (Vào) trong khoảng hai giây và giảm độ phân giải in.
Print Data Full (Dữ liệu in đầy)	Bộ nhớ của máy đầy.	Bấm và giữ Go (Vào) trong khoảng hai giây và xoá dữ liệu in đã được lưu trữ trước đó.
Print Unable (Không thể in) ##	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng của Brother.
Replace Drum (Thay trống)	Đã đến lúc thay bộ trống mực.	Thay bộ trống mực mới vào. ➤➤ <i>Thông tin liên quan: Thay Bộ trống mực</i>
	Bộ đếm của bộ trống mực đã không được đặt lại khi trống mực mới được lắp.	Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ trống mực mới.
Replace Toner (Thay hộp mực)	Hộp mực hết tuổi thọ. Máy dừng tất cả các thao tác in.	Thay hộp mực mới vào.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Self-Diagnostic (Tự chẩn đoán)	Nhiệt độ của bộ sấy mực không tăng đến nhiệt độ đã quy định trong thời gian quy định.	Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài giây, rồi bật lại máy. Vẫn để nguồn bật, để máy ở chế độ nghỉ trong 15 phút.
	Bộ sấy mực quá nóng.	
Size Error (Lỗi khổ giấy)	Khổ giấy được xác định trong trình điều khiển máy in không được khay xác định hỗ trợ.	Chọn khổ giấy được khay xác định hỗ trợ.
Size Error DX (Lỗi kích thước DX)	Khổ giấy được chỉ định trong cài đặt khổ giấy của máy không sử dụng được với chức năng in 2 mặt tự động.	Bấm và giữ Go (Vào) trong khoảng hai giây (nếu được yêu cầu). Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khay phù hợp với khổ giấy đó.
	Khổ giấy trong khay không đúng và không sử dụng được với in 2 mặt tự động.	Chọn khổ giấy được hỗ trợ cho in 2 mặt. Khổ giấy khả dụng cho chức năng in 2 mặt tự động là A4.
Size Mismatch (Kích thước không trùng khớp)	Khổ giấy trong khay không đúng.	Nạp đúng khổ giấy vào khay được chỉ báo trên màn hình LCD và thiết đặt khổ giấy cho khay. Bấm Go (Vào).
Toner Low (Hộp mực gần hết tuổi thọ)	Nếu màn hình LCD hiển thị thông báo này, bạn vẫn có thể in. Hộp mực gần hết tuổi thọ.	Hãy đặt hàng hộp mực mới ngay để bạn có sẵn ngay khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay hộp mực).



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Chủ đề liên quan:

- [Thay thế vật tư.](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)
- [Vệ sinh Dây Corona](#)

Kẹt giấy

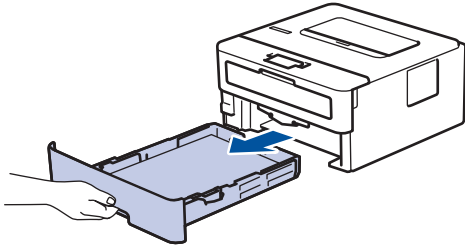
Luôn lấy giấy còn lại khỏi khay giấy và làm thẳng chồng giấy khi bạn thêm giấy mới. Điều này giúp ngăn việc nạp nhiều tờ giấy qua máy cùng một lúc và ngăn kẹt giấy.

- Giấy bị kẹt trong khay giấy
- Giấy bị kẹt ở phía sau máy
- Giấy bị kẹt bên trong máy
- Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

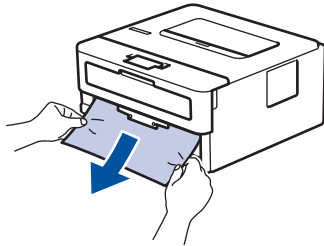
Giấy bị kẹt trong khay giấy


Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay giấy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

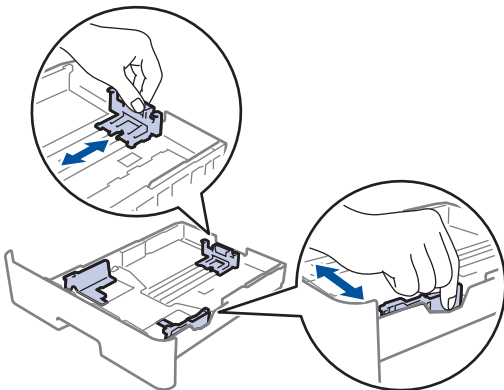


2. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.

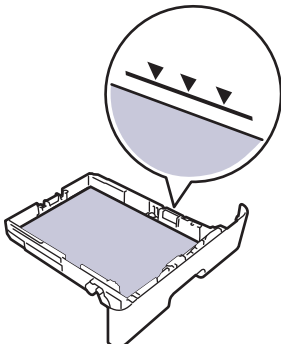


 Kéo giấy bị kẹt xuống bằng cả hai tay cho phép bạn lấy giấy ra dễ dàng hơn.

3. Tải đều chông giấy để tránh kẹt giấy về sau và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với khổ giấy.



4. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).



5. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.

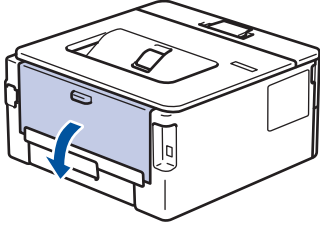
Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

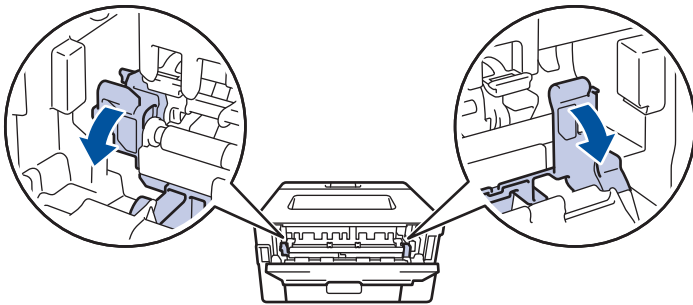
Giấy bị kẹt ở phía sau máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt ở phía sau máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp lưng.



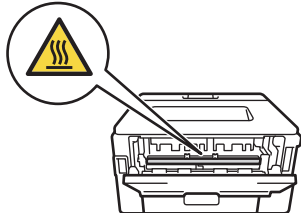
3. Kéo các móc màu xanh bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp bộ sấy mực.



⚠ CẢNH BÁO

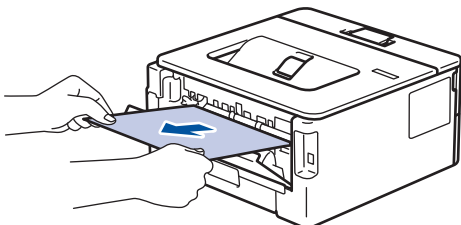
BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.

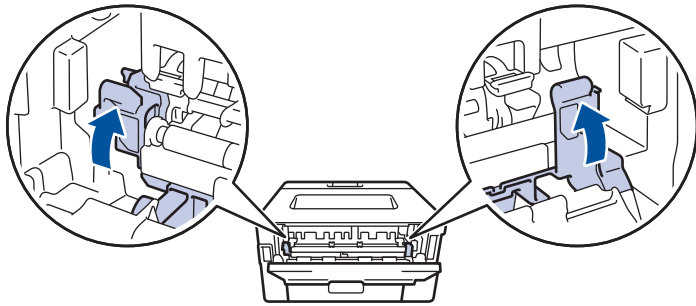


✎ Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong phần vỏ mặt lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lá cây xuống.

4. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi bộ sấy mực.



5. Đóng nắp khối sấy.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

6. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.



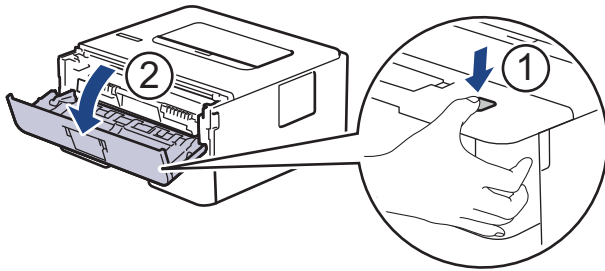
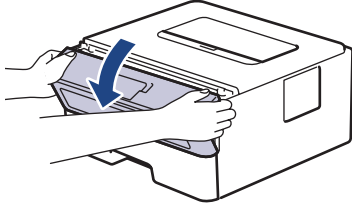
Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

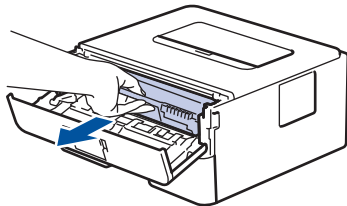
Giấy bị kẹt bên trong máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt bên trong máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp phía trước.



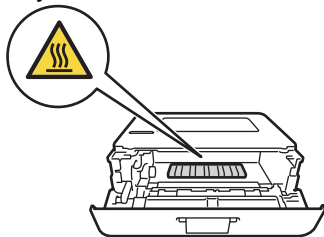
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực.



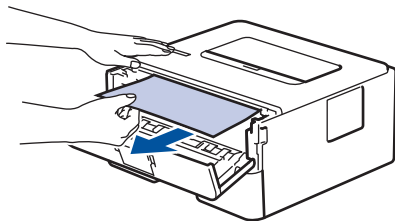
CẢNH BÁO

BỀ MẶT NÓNG

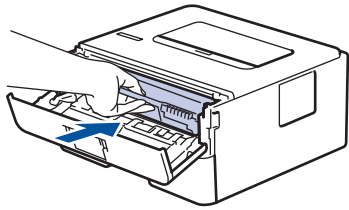
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



4. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.



5. Lắp đặt hộp mực và cụm bộ trống mực vào máy.



6. Đóng nắp phía trước.

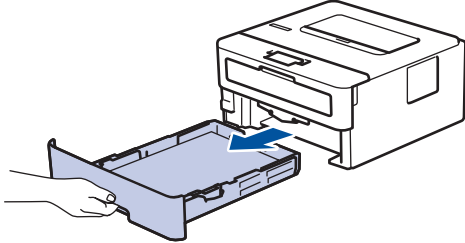
✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)
-

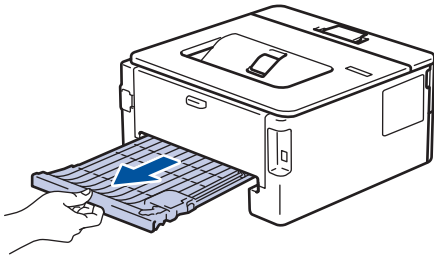
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy thực hiện theo các bước sau:

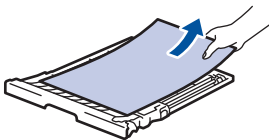
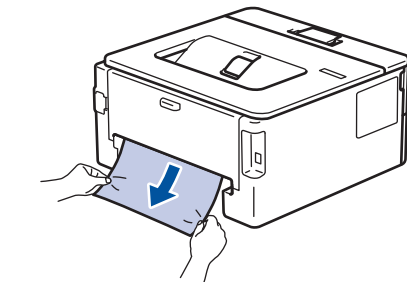
1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



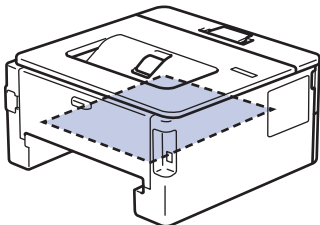
3. Ở phía sau máy, kéo hẳn khay in 2 mặt ra khỏi máy.



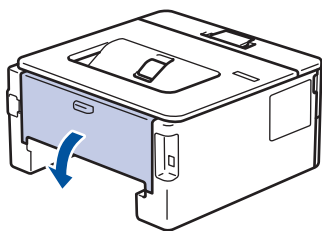
4. Kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy hoặc ra khỏi khay in 2 mặt.



5. Lấy giấy có thể đã kẹt dưới máy do tĩnh điện.



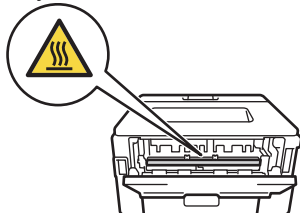
6. Nếu giấy không bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy mở nắp lưng.



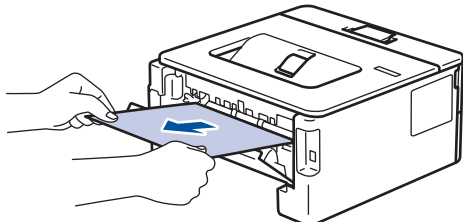
CẢNH BÁO

BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



7. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi phần phía sau của máy.



8. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.

9. Lắp chắc chắn khay 2 mặt vào phía sau của máy.





10. Lắp chắc chắn khay giấy vào phía trước của máy.



Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

Vấn đề khi in

Nếu sau khi đọc bảng này, bạn vẫn cần được trợ giúp, hãy truy cập Trung tâm Giải pháp Brother tại support.brother.com.

Khó khăn	Gợi ý
Không có bản in	<p>Đảm bảo rằng máy không ở chế độ Tắt nguồn.</p> <p>Nếu máy ở chế độ Tắt nguồn, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra xem đã cài đặt và chọn đúng trình điều khiển máy in chưa.</p> <p>Kiểm tra xem Status Monitor hoặc bảng điều khiển của máy có hiển thị trạng thái lỗi hay không.</p> <p>Kiểm tra máy có đang trực tuyến không:</p> <ul style="list-style-type: none">Windows 7 và Windows Server 2008 R2 Nhấp vào  (Bắt đầu) > Thiết bị và Máy in. Nhấp chuột phải vào Brother XXX-XXXX và nhấp vào Xem đang in gì. Nhấp vào Máy in trong thanh menu. Đảm bảo Sử dụng Máy in Gián tuyến không được chọn.Windows Server 2008 Nhấp vào  (Start) ((Bắt đầu)) > Control Panel (Bảng điều khiển) > Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh) > Printers (Máy in). Nhấp chuột phải vào Brother XXX-XXXX. Đảm bảo rằng Use Printer Online (Sử dụng máy in trực tuyến) không được liệt kê. Nếu có liệt kê, nhấp vào tùy chọn này để thiết đặt trình điều khiển thành Trực tuyến.Windows 8 và Windows Server 2012 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào Thiết lập > Pa-nen Điều khiển > Phần cứng và Âm thanh > Xem thiết bị và máy in. Nhấp chuột phải vào Brother XXX-XXXX. Nhấp vào Xem đang in gì. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Nhấp vào Máy in trong thanh menu và đảm bảo không chọn Sử dụng Máy in Gián tuyến.Windows 10 và Windows Server 2016 Nhấp vào  > Hệ thống Windows > Pa-nen Điều khiển. Trong nhóm Phần cứng và Âm thanh, nhấp vào Xem thiết bị và máy in. Nhấp chuột phải vào Brother XXX-XXXX. Nhấp vào Xem đang in gì. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Nhấp vào Máy in trong thanh menu và đảm bảo không chọn Sử dụng Máy in Gián tuyến.Windows Server 2012 R2 Nhấp vào Control Panel (Bảng điều khiển) trên màn hình Start. Trong nhóm Hardware, nhấp vào Xem thiết bị và máy in. Nhấp chuột phải vào Brother XXX-XXXX. Nhấp vào See what's printing. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Nhấp vào Printer trong thanh menu và đảm bảo rằng Sử dụng Máy in Gián tuyến không được chọn.

Khó khăn	Gợi ý
	<ul style="list-style-type: none"> Mac Nhấp vào menu System Preferences (Tùy chọn hệ thống), rồi chọn tùy chọn Printers & Scanners (Máy in & máy quét). Khi máy đang ngoại tuyến, hãy xóa nó bằng cách sử dụng nút , sau đó thêm nó bằng cách sử dụng nút .
Máy không in hoặc đã dừng in.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.
Các đầu hoặc chân trang xuất hiện khi tài liệu hiển thị trên màn hình nhưng không hiển thị khi in tài liệu.	Có vùng không thể in ở trên cùng và dưới cùng của trang. Điều chỉnh lề trên cùng và dưới cùng trong tài liệu của bạn để cho phép in vùng này.
Máy in không như mong muốn hoặc in lộn xộn.	<p>Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Xác nhận rằng trình điều khiển máy in Brother được chọn trong cửa sổ In của ứng dụng của bạn.</p>
Máy in đúng một vài trang đầu, rồi một vài trang sau bị mất chữ.	<p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Máy của bạn không nhận tất cả dữ liệu đã gửi từ máy tính. Đảm bảo rằng bạn đã kết nối cáp giao diện đúng cách.</p>
Máy không in trên cả hai mặt của giấy mặc dù thiết lập trình điều khiển máy in là 2 mặt và máy hỗ trợ in 2 mặt tự động.	Kiểm tra thiết đặt khổ giấy trong trình điều khiển máy in. Bạn phải chọn giấy A4 60 đến 105 g/m ² .
Tốc độ in quá chậm.	<p>Thử thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in. Độ phân giải cao nhất cần thời gian xử lý, gửi và in dữ liệu lâu hơn.</p> <p>Nếu bạn kích hoạt Chế độ im lặng, hãy bỏ kích hoạt Chế độ im lặng trên trình điều khiển máy hoặc thiết lập menu của máy.</p>
Máy không nạp giấy.	<p>Nếu có giấy trong khay giấy, đảm bảo rằng giấy nằm thẳng. Nếu giấy bị quấn, kéo thẳng giấy. Đôi khi bạn nên thử lấy giấy ra, lật ngược chồng giấy, rồi đặt lại vào khay giấy.</p> <p>Giảm lượng giấy trong khay giấy, rồi thử lại.</p> <p>(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo rằng Bằng tay không được chọn cho Nguồn Giấy trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Vệ sinh trục cuộn lấy giấy.</p>
Máy không nạp giấy từ Khe nạp bằng tay. (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	<p>Sử dụng cả hai tay để đẩy chắc chắn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay đến khi cạnh giấy trên cùng chạm vào trục lăn nạp giấy. Tiếp tục đẩy giấy chạm vào trục lăn đến khi máy nhận giấy và kéo giấy vào trong sâu hơn.</p> <p>Nạp lần lượt từng tờ giấy vào khe nạp bằng tay.</p> <p>Đảm bảo rằng Bằng tay được chọn cho Nguồn Giấy trong trình điều khiển máy in.</p>
Máy không nạp phong bì.	(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Nạp lần lượt từng phong bì vào khe nạp bằng tay. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn.



Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

Chủ đề liên quan:

- Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Windows)
- Giám sát trạng thái máy từ máy tính của bạn (Mac)
- Hủy tác vụ in
- Vệ sinh trục cuộn lấy giấy



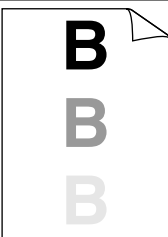
Cải thiện chất lượng in

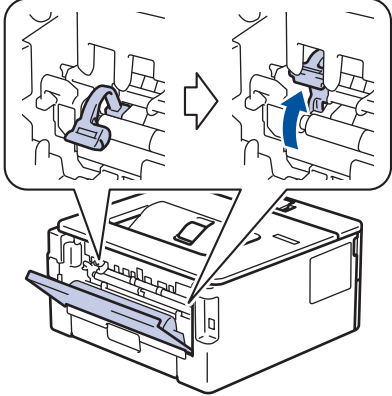
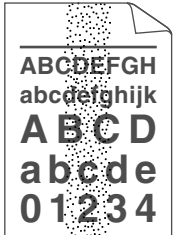

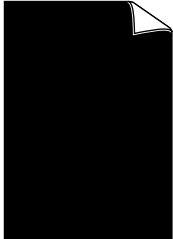

Nếu bạn có vấn đề về chất lượng in, hãy in trang kiểm tra trước tiên. Nếu bản in có chất lượng tốt, vấn đề có thể không phải ở máy. Kiểm tra các kết nối cáp giao diện và thử in tài liệu khác. Nếu bản in hoặc trang kiểm tra được in từ máy có vấn đề về chất lượng, hãy xem các ví dụ về chất lượng in xấu và thực hiện theo khuyến nghị trong bảng.



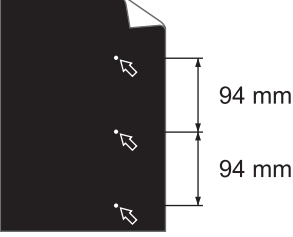
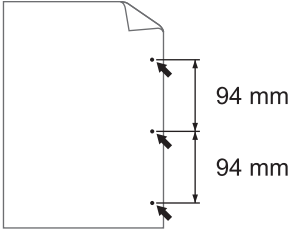

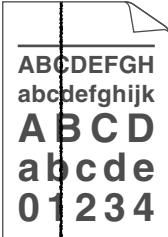
QUAN TRỌNG

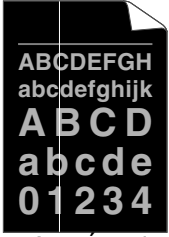

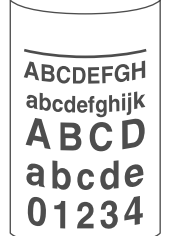

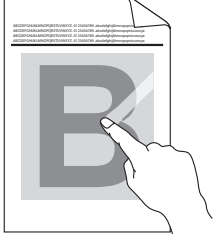
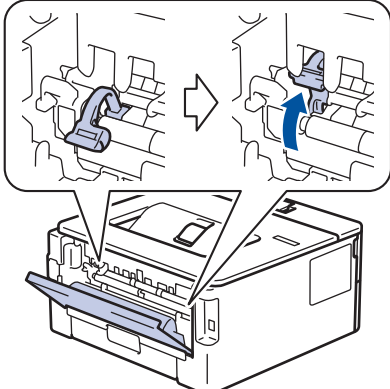
Sử dụng vật tư không chính hãng có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.


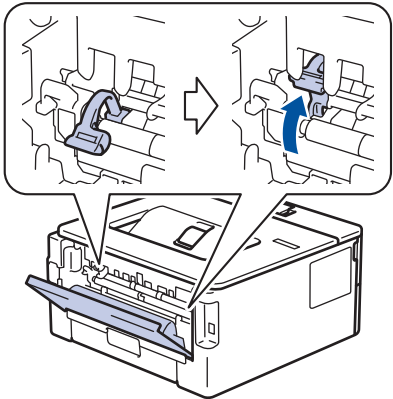
- Để có chất lượng in tốt nhất, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phương tiện in được khuyến nghị. Đảm bảo bạn sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của chúng tôi.
- Kiểm tra hộp mực và bộ trống mực có được lắp chính xác không.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Mờ</p>	<ul style="list-style-type: none">Nếu máy cho biết trạng thái Thay mực in, lắp hộp mực mới vào.Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện như độ ẩm, nhiệt độ cao, v.v... có thể gây ra lỗi in này.Nếu toàn bộ trang giấy quá nhạt, chế độ Tiết kiệm mực in có thể được bật. Tắt chế độ Tiết kiệm mực in trong thiết đặt menu của máy hoặc trình điều khiển máy in.Vệ sinh bộ trống mực.Vệ sinh dây corona trên bộ trống mực.Thay hộp mực mới mới vào.Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Nền màu xám</p>	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như nhiệt độ và độ ẩm cao có thể tăng mức độ đổ bóng của nền.Vệ sinh bộ trống mực.Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Ảnh tạo bóng mờ</p>	<ul style="list-style-type: none">Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ thấp có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này.Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in.(Đối với model có màn hình LCD) Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu.Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	 <ul style="list-style-type: none"> • Vệ sinh bộ trống mực. • Thay bộ trống mực mới vào. • Thay hộp mực mới mới vào. • Bộ sấy mực có thể bị bẩn. <p>Liên hệ Dịch vụ khách hàng Brother.</p>
 <p>Các đốm mực nhỏ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển khớp với loại giấy bạn đang sử dụng. • Vệ sinh bộ trống mực. • Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào. • Bộ sấy mực có thể bị bẩn. <p>Liên hệ Dịch vụ khách hàng Brother.</p>
 <p>Chữ in có lỗ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chọn chế độ Giấy dày trong trình điều khiển máy in hoặc sử dụng giấy mỏng hơn bạn hiện đang sử dụng. • (Đối với model có màn hình LCD) Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu. • Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm cao có thể khiến chữ in có lỗ. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Đen toàn bộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Các đường màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in. • (Đối với model có màn hình LCD) Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu. • Vấn đề có thể tự biến mất. In nhiều trang trắng để xóa vấn đề này, đặc biệt nếu máy không được sử dụng trong thời gian dài. • Vệ sinh bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Các đường ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Vệ sinh bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Các đường, dải hoặc gân sọc màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ cao có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này. • Vệ sinh bộ trống mực. • Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi một vài trang, thay bộ trống mực mới.
 <p>Đốm trắng trên văn bản và đồ họa đen cách quãng 94 mm</p>  <p>Đốm đen cách quãng 94 mm</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi in trang trắng, bộ trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo từ nhãn, kẹt trên trống mực. Vệ sinh bộ trống mực. <i>>> Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực</i> • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Mực đen tạo dấu ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Nếu bạn sử dụng tờ giấy nhãn cho máy in laser, keo từ các tờ giấy đôi khi có thể dính vào bề mặt trống. Vệ sinh bộ trống mực. <i>>> Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực</i> • Nếu bạn sử dụng giấy có kẹp hoặc dập ghim, bộ trống mực có thể bị hỏng. • Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng. • Vệ sinh bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p>Đường màu đen dọc trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt vấu màu xanh lá cây. Đảm bảo vấu màu xanh lá cây của bộ trống mực nằm ở Vị trí Ban đầu. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào. • Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ Dịch vụ khách hàng Brother.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
<p data-bbox="284 168 671 197">Trang in bị rây mực dọc trang giấy</p>  <p data-bbox="268 450 687 479">Các đường màu trắng dọc trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo vật lạ chẳng hạn như mẫu giấy rách, giấy dính ghi chú hoặc bụi bẩn không ở trong máy và quanh hộp mực và bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 <p data-bbox="384 730 568 759">Hình ảnh bị lệch</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo giấy hoặc phương tiện in khác được nạp chính xác trong khay giấy và thanh dẫn giấy không tỳ quá chặt hoặc quá lỏng vào chông giấy. • Đặt thanh dẫn giấy chính xác. • Khay giấy có thể quá đầy. • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. • Kiểm tra xem có vật rời ra, như giấy rách bên trong máy. • Nếu sự cố chỉ xảy ra trong khi in 2 mặt tự động, hãy kiểm tra giấy rách trong khay 2 mặt. Xác minh khay 2 mặt được chèn hoàn toàn và nắp lưng được đóng hoàn toàn.
 <p data-bbox="331 1167 624 1196">Ảnh quăn hoặc gợn sóng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. Nhiệt độ và độ ẩm cao có thể khiến giấy bị quăn. • Nếu bạn không sử dụng máy thường xuyên, giấy có thể nằm trong khay giấy quá lâu. Lật ngược chông giấy trong khay giấy. Ngoài ra, tãi chông giấy, rồi xoay giấy 180° trong khay giấy. • Mở nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) để cho phép trang đã in chạy ra trên khay đầu ra hướng lên. • Chọn chế độ Giảm thiểu Quăn Giấy trong trình điều khiển máy in khi bạn không sử dụng phương tiện in được chúng tôi khuyến nghị.
 <p data-bbox="363 1536 588 1565">Nhấn hoặc gấp nếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. • Lật ngược chông giấy trong khay hoặc xoay giấy 180° trong khay đầu vào.
 <p data-bbox="336 1816 616 1845">Khả năng hiện mực kém</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại. 

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển máy in khớp với loại giấy bạn đang sử dụng. • Chọn chế độ Cải thiện khả năng hiện mực trong trình điều khiển máy in. <p>Nếu lựa chọn này không cho thấy cải thiện rõ rệt, thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in trong Loại vật liệu in thành thiết đặt dày. Nếu bạn đang in phong bì, chọn Bao thư Dày trong thiết đặt loại phương tiện.</p>
 <p>Phong bì gấp nếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống đến vị trí của phong bì khi bạn in phong bì. Sau khi bạn in xong, đặt lại các cần về vị trí ban đầu. Kéo các cần lên cho đến khi chúng dừng lại.  <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo phong bì được in với nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) mở. • (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khe nạp bằng tay.



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Chủ đề liên quan:

- [In thử](#)
- [Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực](#)
- [Giảm mức tiêu thụ mực](#)
- [Thay Hộp mực](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)

Vấn đề về mạng

- Thông báo lỗi
- Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu?
- Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây
- Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)
- Máy Brother của tôi không thể in qua mạng
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Thông báo lỗi

Model: HL-B2080DW

Máy Brother sẽ hiển thị thông báo lỗi nếu lỗi xảy ra. Thông báo lỗi thường gặp nhất được trình bày trong bảng.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Connection Error (Lỗi kết nối)	Các thiết bị khác cũng đang cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct.	Đảm bảo không có thiết bị khác nào cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct, rồi thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.
Connection Fail (Kết nối không thành công)	Máy Brother và thiết bị di động không thể kết nối trong khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct.	<ul style="list-style-type: none">Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.Nếu bạn đang sử dụng Phương pháp mã PIN của WPS, đảm bảo bạn đã nhập đúng mã PIN.
No Device (Không có thiết bị)	Khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct, máy Brother không thể tìm thấy thiết bị di động.	<ul style="list-style-type: none">Đảm bảo máy và thiết bị di động của bạn ở chế độ Wi-Fi Direct.Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.Nếu bạn đang cấu hình bằng tay mạng Wi-Fi Direct, đảm bảo bạn đã nhập đúng mật khẩu.Nếu thiết bị di động của bạn có trang cấu hình để biết cách lấy địa chỉ IP, đảm bảo địa chỉ IP của thiết bị di động đã được cấu hình qua DHCP.



Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu?

Model: HL-B2080DW

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn](#)

Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây

Model: HL-B2080DW

Tắt bộ định tuyến không dây của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt không dây. Nếu bạn không thể giải quyết được vấn đề, hãy làm theo hướng dẫn sau:

Điều tra vấn đề bằng cách sử dụng Báo cáo WLAN.

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/Khóa mạng) không chính xác.	<ul style="list-style-type: none"> Xác nhận thiết đặt bảo mật bằng tiện ích Wireless Setup Helper. Để biết thêm thông tin và tải xuống tiện ích này, truy cập trang Downloads dành cho model của bạn ở Brother Solutions Center tại support.brother.com. Chọn và xác nhận rằng bạn đang sử dụng thiết đặt bảo mật chính xác. <ul style="list-style-type: none"> Xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để biết thông tin về cách tìm thiết đặt bảo mật. Tên nhà sản xuất hoặc số model của điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây có thể được sử dụng làm thiết đặt bảo mật mặc định. Tham khảo ý kiến của nhà sản xuất điểm truy cập/bộ định tuyến, nhà cung cấp Internet hoặc người quản trị mạng của bạn. 	Không dây
Địa chỉ MAC của máy Brother không được cho phép.	Xác nhận rằng Địa chỉ MAC của máy Brother được cho phép trong bộ lọc. Bạn có thể tìm thấy Địa chỉ MAC trên bảng điều khiển của máy Brother.	Không dây
Điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn đang ở chế độ tàng hình (không quảng bá SSID).	<ul style="list-style-type: none"> Nhập bằng tay tên SSID hoặc Khóa mạng chính xác. Kiểm tra tên SSID hoặc Khóa mạng trong hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn và cấu hình lại cài đặt mạng không dây. 	Không dây
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/mật khẩu) không chính xác.	<ul style="list-style-type: none"> Xác nhận SSID và mật khẩu. <ul style="list-style-type: none"> Khi bạn đang cấu hình mạng bằng tay, SSID và mật khẩu được hiển thị trên máy Brother của bạn. Nếu thiết bị di động của bạn hỗ trợ cấu hình bằng tay, SSID và mật khẩu sẽ được hiển thị trên màn hình thiết bị di động của bạn. 	Wi-Fi Direct
Bạn đang sử dụng Android™ 4.0.	Nếu thiết bị di động của bạn ngắt kết nối (khoảng sáu phút sau khi sử dụng Wi-Fi Direct), thử cấu hình một lần bấm bằng WPS (được khuyến nghị) và thiết đặt máy Brother làm Chủ sở hữu nhóm.	Wi-Fi Direct
Máy Brother của bạn được đặt quá xa so với thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother đến gần thiết bị di động trong phạm vi khoảng 3.3 feet (1 mét) khi bạn cấu hình thiết đặt mạng Wi-Fi Direct.	Wi-Fi Direct
Có một số chướng ngại vật (ví dụ như tường hoặc đồ đạc) giữa máy của bạn và thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother của bạn đến khu vực không có chướng ngại vật.	Wi-Fi Direct
Có một máy tính không dây, thiết bị hỗ trợ Bluetooth®, lò vi sóng hoặc điện thoại không dây kỹ thuật số ở gần máy Brother hoặc thiết bị di động.	Di chuyển các thiết bị khác ra xa khỏi máy Brother hoặc thiết bị di động.	Wi-Fi Direct
Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng vẫn không thể hoàn tất việc	<ul style="list-style-type: none"> Tắt máy Brother của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct. 	Wi-Fi Direct

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
cấu hình Wi-Fi Direct, hãy thực hiện như sau:	<ul style="list-style-type: none">Nếu bạn đang sử dụng máy Brother của mình làm máy khách, xác nhận có bao nhiêu thiết bị được cho phép trong mạng Wi-Fi Direct hiện tại, rồi kiểm tra xem bao nhiêu thiết bị được kết nối.	

Đối với Windows

Nếu kết nối không dây của bạn đã bị ngắt và bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên, chúng tôi khuyến nghị sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng.



Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)
-

Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)

Model: HL-B2080DW

Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng để sửa chữa thiết đặt mạng trong máy Brother của bạn. Công cụ này sẽ cấp địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con đúng.

- Windows 7/Windows 8/Windows 10
Bạn phải đăng nhập bằng quyền của Người quản trị.
- Đảm bảo máy Brother đang bật và kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:

Tùy chọn	Mô tả
Windows Server 2008	Nhấp vào  (Bắt đầu) > Tất cả các chương trình > Brother > Brother Utilities . Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm Công cụ trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng .
Windows 7	Nhấp vào  (Bắt đầu) > Tất cả các chương trình > Brother > Brother Utilities . Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm Công cụ trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng .
Windows 8/ Windows 10	Khởi chạy  (Brother Utilities), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm Công cụ trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng .
Windows Server 2012 / 2012 R2 / 2016	Khởi chạy  (Brother Utilities), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm Công cụ trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng .



- Nếu màn hình **Điều khiển Trưng mục Người dùng** xuất hiện, hãy nhấp chuột vào **Có**.

2. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.

3. Kiểm tra chẩn đoán bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng hoặc trang thiết đặt máy in.



Công cụ sửa chữa kết nối mạng sẽ tự động bắt đầu nếu bạn chọn tùy chọn **Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối** trong Status Monitor. Bấm chuột phải vào màn hình Status Monitor, rồi bấm **Thiết lập Khác** > **Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối**. Chúng tôi không khuyến nghị điều này khi người quản trị mạng của bạn đã thiết đặt địa chỉ IP thành Tĩnh, vì điều này sẽ tự động thay đổi địa chỉ IP.

Nếu địa chỉ IP chính xác và Mặt nạ mạng con vẫn chưa được gán ngay cả khi bạn đã dùng Công cụ sửa chữa kết nối mạng, hãy hỏi quản trị viên mạng của bạn để biết thông tin này.



Thông tin liên quan



- [Vấn đề về mạng](#)

Chủ đề liên quan:

- [Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.](#)

Máy Brother của tôi không thể in qua mạng

Model: HL-B2080DW

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng.	Một số phần mềm bảo mật có thể chặn truy cập mà không hiển thị hộp thoại thông báo bảo mật ngay cả sau khi đã cài đặt thành công. Đề cho phép truy cập, xem hướng dẫn dành cho phần mềm bảo mật của bạn hoặc hỏi nhà sản xuất phần mềm.	Có dây/Không dây
Máy Brother của bạn không được được gán địa chỉ IP có sẵn.	<ul style="list-style-type: none"> Xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con. Xác nhận rằng cả địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con của máy tính và máy Brother của bạn là chính xác và nằm trên cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con, hỏi người quản trị mạng của bạn. Windows Xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con bằng cách sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng. 	Có dây/Không dây
Công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> Nếu công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn, xóa công việc đó. Nếu không, bấm đúp vào biểu tượng máy in trong thư mục sau và hủy bỏ tất cả các tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> Windows 7 Bấm  (Bắt đầu) > Thiết bị và Máy in > Máy in và Fax. Windows 8 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào Thiết đặt > Pa-nen Điều khiển. Trong nhóm Phần cứng và Âm thanh, nhấp vào Xem thiết bị và máy in > Máy in. Windows 10 và Windows Server 2016 Nhấp vào  > Hệ thống Windows > Pa-nen Điều khiển. Trong nhóm Phần cứng và Âm thanh, nhấp vào Xem thiết bị và máy in > Máy in. Windows Server 2008 Bấm Bắt đầu > Pa-nen Điều khiển > Máy in. Windows Server 2012 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào Thiết đặt > Pa-nen Điều khiển. Trong nhóm Phần cứng, nhấp vào Xem thiết bị và máy in > Máy in. Windows Server 2012 R2 Bấm Control Panel (Bảng điều khiển) trên màn hình Start. Trong nhóm Hardware, bấm Xem thiết bị và máy in. macOS v10.10.5, v10.11.x, v10.12.x Nhấp vào System Preferences (Tùy chọn hệ thống) > Printers & Scanners (Máy in & máy quét). 	Có dây/Không dây
Máy Brother của bạn không được kết nối với mạng không dây.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng máy Brother của bạn vẫn không thể in, gỡ cài đặt rồi cài đặt lại trình điều khiển máy in.



Thông tin liên quan

- Vấn đề về mạng

Chủ đề liên quan:

- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Trang chủ > Xử lý sự cố > Vấn đề về mạng > Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Model: HL-B2080DW

Kiểm tra	Hành động	Giao diện
Kiểm tra xem máy Brother, điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng mạng của bạn có được bật không.	Kiểm tra như sau: <ul style="list-style-type: none">Dây nguồn được kết nối đúng và máy Brother được bật.Điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng được bật và nút liên kết đang nhấp nháy.Đã tháo hết bao bì bảo vệ khỏi máy.Hộp mực và bộ trống mực được lắp đặt chính xác.Nắp phía trước và nắp lưng được đóng hoàn toàn.Giấy được nạp vào khay giấy đúng cách.(Đối với mạng có dây) Cáp mạng được kết nối chắc chắn với máy Brother và với bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng.	Có dây/Không dây
Kiểm tra Link Status trong Báo cáo Cấu hình Mạng hoặc trang Cài đặt Máy in.	In Báo cáo cấu hình mạng và kiểm tra xem Ethernet Link Status hoặc Wireless Link Status có là Link OK không.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem bạn có thể "kiểm tra kết nối" máy Brother từ máy tính của mình hay không.	Kiểm tra kết nối máy Brother từ máy tính của bạn bằng cách sử dụng địa chỉ IP hoặc tên nút trong cửa sổ nhắc lệnh Windows hoặc ứng dụng Mac Terminal: kiểm tra kết nối <ipaddress> hoặc <nodename>. <ul style="list-style-type: none">Thành công: Máy Brother của bạn đang hoạt động chính xác và được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.Không thành công: Máy Brother của bạn không được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn. (Windows) Hỏi người quản trị mạng và sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng để sửa chữa địa chỉ IP và mật mã mạng con. (Macintosh) Xác nhận rằng địa chỉ IP và Mật mã mạng con được thiết đặt chính xác.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem máy Brother của bạn có được kết nối với mạng không dây không.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng bạn vẫn đang gặp vấn đề, xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để tìm thông tin về SSID và Khóa mạng, rồi thiết đặt chính xác các mục này.



Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

Chủ đề liên quan:

- [Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng \(Windows\)](#)
- [Máy Brother của tôi không thể in qua mạng](#)

Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google

Model: HL-B2080DW

Khó khăn	Gợi ý
Máy Brother của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra xem Google Cloud Print™ đã được bật hay chưa.
	Kiểm tra xem máy của bạn đã được đăng ký với Google Cloud Print™ hay chưa. Nếu máy chưa được đăng ký, hãy thử đăng ký lại.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng của bạn. >>> Thông tin liên quan
	Một số tệp tin nhất định có thể không in được hoặc có thể không xuất hiện chính xác khi được hiển thị.
Tôi không thể đăng ký máy của tôi với Google Cloud Print™.	Đảm bảo máy của bạn đã được kết nối với mạng có thể truy cập Internet.
	Kiểm tra xem ngày và thời gian có được đặt đúng trên máy của bạn hay không.
Tôi không thấy thông báo xác nhận trên máy Brother khi tôi thử đăng ký với Google Cloud Print™, ngay cả sau khi lặp lại các bước đăng ký.	Đảm bảo máy Brother của bạn không hoạt động trong quá trình thực hiện đăng ký với Google Cloud Print™.



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)


Các vấn đề về AirPrint

Khó khăn	Gợi ý
Máy Brother của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy Brother của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. >> Thông tin liên quan
	Di chuyển thiết bị di động lại gần điểm truy cập không dây/bộ định tuyến hoặc máy của Brother của bạn.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy Brother của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. >> Thông tin liên quan
Tôi đang cố gắng in một tài liệu nhiều trang từ một thiết bị iOS, nhưng lại CHỈ in được trang đầu tiên.	Đảm bảo bạn đang chạy phiên bản hệ điều hành mới nhất. Tham khảo bài viết hỗ trợ của Apple sau đây để biết thêm thông tin về AirPrint: support.apple.com/kb/HT4356 .

✓ Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Các vấn đề khác

Khó khăn	Gợi ý
Máy sẽ không bật.	<p>Các điều kiện bất lợi về kết nối điện (như sét hoặc điện áp tăng vọt) có thể đã kích hoạt cơ chế an toàn bên trong của máy. Rút phích cắm dây nguồn. Chờ mười phút, rồi rút phích cắm dây nguồn và bấm  để bật máy.</p> <p>Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết và bạn đang sử dụng bộ ngắt điện, ngắt kết nối thiết bị này để đảm bảo rằng đây không phải là nguyên nhân gây ra vấn đề. Cắm dây nguồn của máy trực tiếp vào ổ cắm điện khác trên tường mà bạn đã biết là có hoạt động. Nếu vẫn không có điện, thử cáp điện khác.</p>
Không thể cài đặt phần mềm Brother.	<p>(Windows)</p> <p>Nếu có cảnh báo Phần mềm bảo mật xuất hiện trên màn hình máy tính trong khi cài đặt, thay đổi thiết đặt Phần mềm bảo mật để cho phép chương trình cài đặt sản phẩm của Brother hoặc chương trình khác chạy.</p> <p>(Macintosh)</p> <p>Nếu bạn đang sử dụng chức năng tường lửa của phần mềm chống vi-rút hoặc chống phần mềm gián điệp, tạm thời vô hiệu chức năng này, rồi cài đặt phần mềm Brother của bạn.</p>



Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

Thông tin về máy

- [Kiểm tra số sê-ri](#)
- [Kiểm tra phiên bản firmware](#)
- [Tổng quan về Chức năng Đặt lại](#)
- [Đặt lại máy Brother của bạn](#)

Kiểm tra số sê-ri

Model: HL-B2080DW

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Serial No. (Số sê-ri)], rồi bấm **OK**.

Máy hiển thị số sê-ri trên màn hình LCD.



Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

Kiểm tra phiên bản firmware

Model: HL-B2080DW

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Firmware Version (Phiên bản firmware)], rồi bấm **OK**.

Máy hiển thị phiên bản firmware trên màn hình LCD.



Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

Tổng quan về Chức năng Đặt lại

Model: HL-B2080DW

Các loại chức năng đặt lại sau có thể sử dụng:



Rút cáp giao diện trước khi bạn chọn chức năng Đặt lại thiết đặt mạng hoặc chức năng Đặt lại theo nhà máy.



Chức năng đặt lại được chia nhỏ không có sẵn ở một số model.

1. Đặt lại máy

Chức năng này đặt lại các thiết đặt sau:

- Khóa thiết đặt
- Thiết đặt ngôn ngữ

2. Đặt lại thiết đặt mạng (Đối với các model có kết nối mạng)

Đặt lại máy chủ in về thiết đặt mặc định theo nhà máy (bao gồm thông tin Mật khẩu và Địa chỉ IP).

3. Đặt lại theo nhà máy

Brother thực sự khuyến nghị bạn nên thực hiện thao tác này khi bạn vứt bỏ máy của mình.



Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

Đặt lại máy Brother của bạn

Model: HL-B2080DW

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Reset (Đặt lại)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn loại đặt lại mà bạn muốn thực hiện, rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▼.
5. Bấm ▼ đối với [Yes (Có)].
Máy sẽ khởi động lại.

Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

Bảo trì thường lệ

- Thay thế vật tư.
- Vệ sinh máy
- Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận
- Đóng gói và vận chuyển máy Brother của bạn

Thay thế vật tư.

Bạn phải thay thế vật tư khi máy chỉ báo rằng tuổi thọ vật tư đã hết.

Sử dụng vật tư không phải của Brother có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy. Hộp mực và bộ trống mực là hai vật tư riêng biệt. Đảm bảo rằng cả hai được lắp đặt thành một cụm. Tên vật tư của dòng máy có thể khác nhau tùy thuộc vào từng quốc gia.

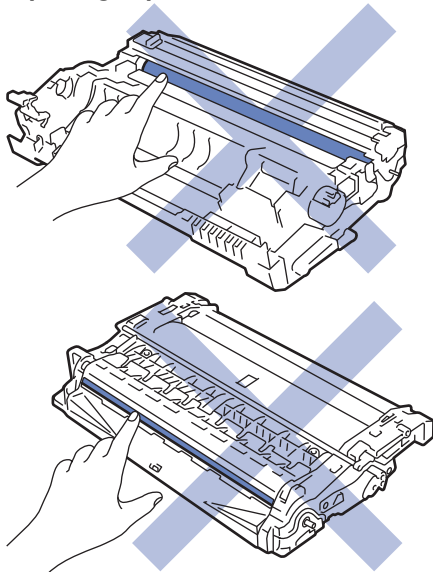
LƯU Ý

- Tùy quốc gia, hộp mực có thể có sẵn hoặc không. Truy cập Trung tâm Giải pháp Brother tại support.brother.com hoặc liên hệ văn phòng Brother ở địa phương bạn để biết thêm chi tiết.
- Đảm bảo niêm kín túi đựng vật tư đã sử dụng để bột mực in không tràn khỏi hộp mực.
- Thái bỏ vật phẩm tiêu hao đã sử dụng theo quy định của địa phương, tách riêng vật phẩm tiêu hao với rác thải sinh hoạt. Nếu bạn có thắc mắc, vui lòng gọi đến văn phòng phụ trách thải rác ở địa phương bạn. Đảm bảo niêm kín lại mực tiêu hao để vật liệu bên trong không tràn ra.
- Chúng tôi khuyên nên đặt các vật tư đã sử dụng và vật tư mới trên một mảnh giấy để tránh vô ý làm vật liệu bên trong tràn ra hoặc vương vãi.
- Nếu bạn sử dụng giấy không hoàn toàn tương đương với phương tiện in được khuyến dùng, tuổi thọ của vật tư và bộ phận máy có thể giảm.
- Tuổi thọ dự kiến của mỗi hộp mực được dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Tần suất thay thế sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, tỉ lệ phần trăm che phủ, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Tần suất thay thế vật tư không phải hộp mực sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Thao tác cẩn thận với hộp mực. Nếu mực vương vãi vào tay hoặc quần áo của bạn, ngay lập tức lau hoặc rửa vết mực bằng nước lạnh.

QUAN TRỌNG

- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

Bộ trống mực



Thông tin liên quan

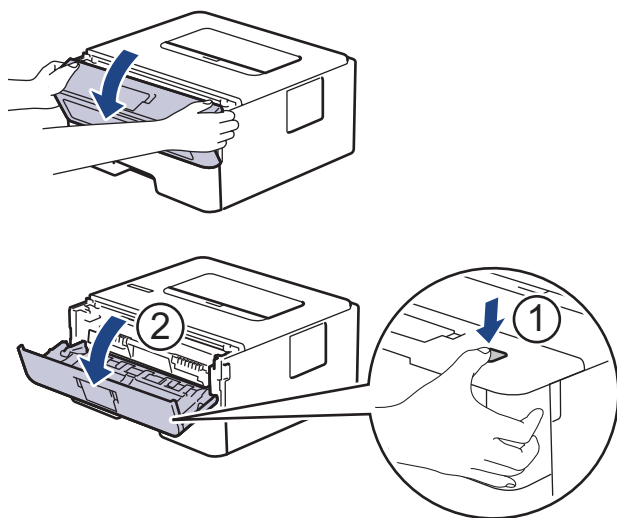
- Bảo trì thường lệ
 - Thay Hộp mực
 - Thay Bộ trống mực

Chủ đề liên quan:

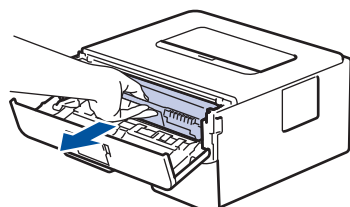
- Lỗi và Chỉ dẫn Bảo trì
 - Thông báo lỗi và bảo trì
 - Vật tư
-

Thay Hộp mực

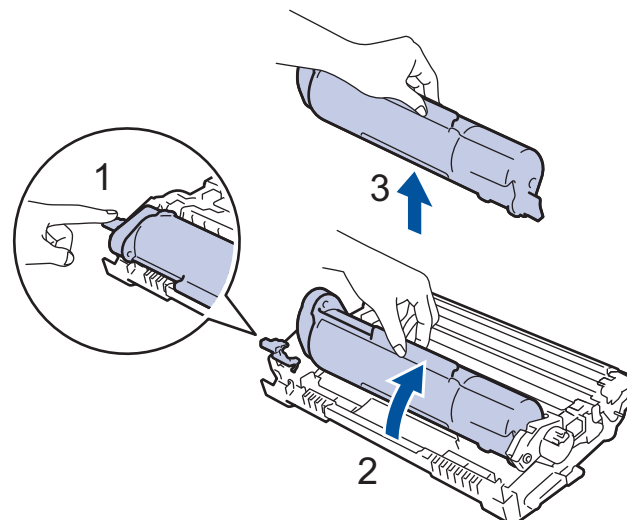
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

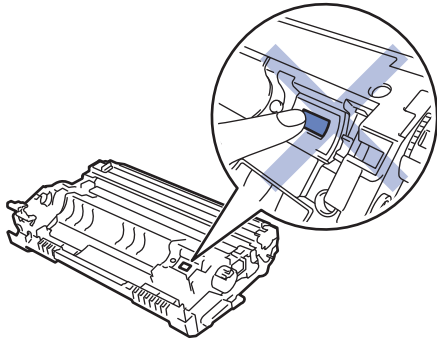


4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.



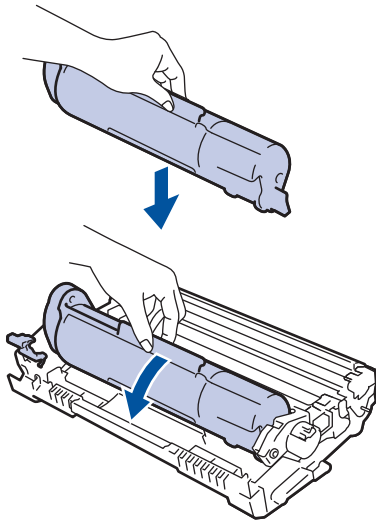


Để tránh vương mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.



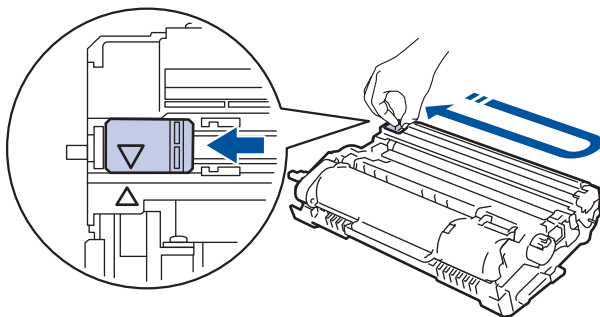
5. Mở bao bì hộp mực mới.

6. Đẩy mạnh hộp mực mới vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



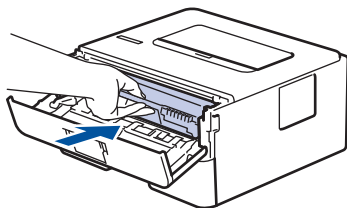
Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

8. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



9. Đóng nắp phía trước của máy.



- Không tắt máy hoặc mở nắp phía trước cho đến khi máy trở về Chế độ sẵn sàng.
- Hộp mực đi kèm với máy Brother của bạn là hộp mực Inbox.
- Bạn nên chuẩn bị sẵn hộp mực mới để sẵn sàng sử dụng khi bạn thấy cảnh báo Mực in sắp hết.
- Để đảm bảo chất lượng in cao, chúng tôi khuyến nghị chỉ nên sử dụng hộp mực Brother Original. Nếu bạn muốn mua hộp mực khác, liên hệ Đại lý Bán hàng của Brother.
- KHÔNG mở bao bì hộp mực mới cho đến khi bạn sẵn sàng lắp hộp mực mới.
- Nếu để mở bao bì hộp mực trong thời gian dài, tuổi thọ mực in sẽ bị rút ngắn.
- Brother khuyến nghị bạn KHÔNG nên đổ đầy lại hộp mực đi kèm với máy của bạn. Chúng tôi cũng khuyến nghị bạn chỉ nên sử dụng hộp mực thay thế Brother Original. Việc sử dụng hoặc cố sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba trong máy Brother có thể gây hỏng máy và/hoặc có thể dẫn đến chất lượng in không đạt yêu cầu. Chế độ bảo hành có hạn của chúng tôi không áp dụng cho bất kỳ vấn đề nào gây ra bởi việc sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba. Để bảo vệ máy của bạn và thu được hiệu suất cao từ máy Brother, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng Vật tư Brother Original.



Thông tin liên quan

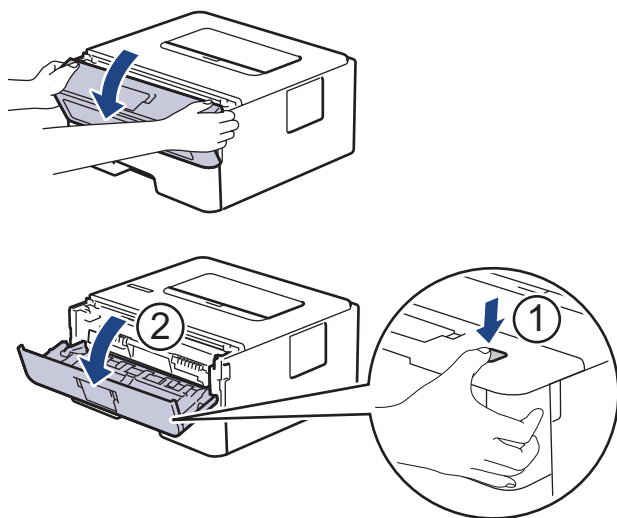
- [Thay thế vật tư.](#)

Chủ đề liên quan:

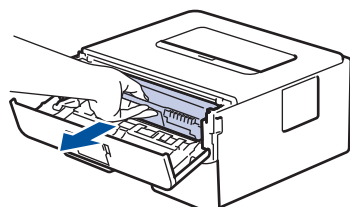
- [Cải thiện chất lượng in](#)

Thay Bộ trống mực

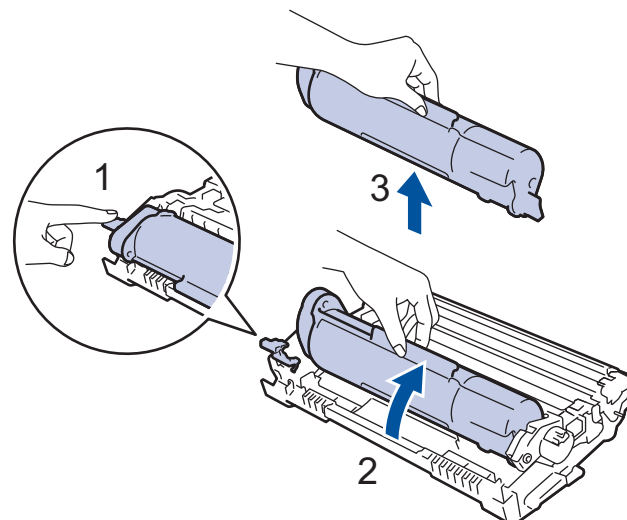
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

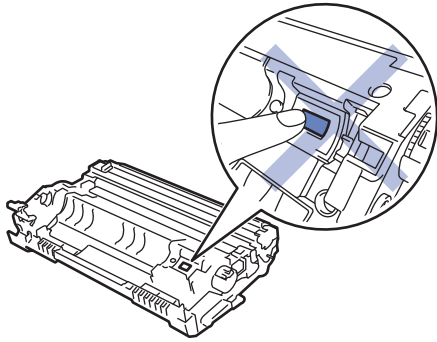


4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.

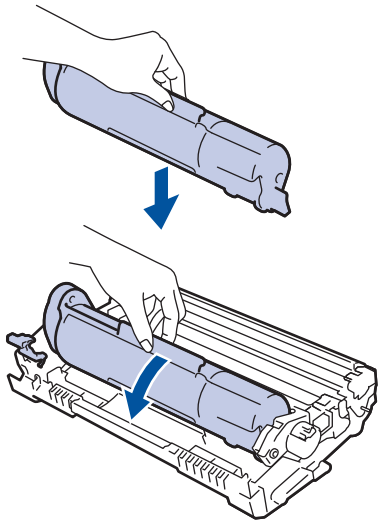




Để tránh vương mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

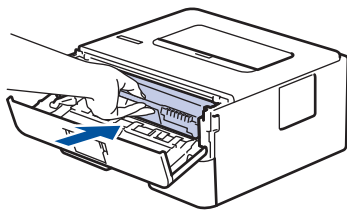


5. Mở bao bì bộ trống mới.
6. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực mới cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



8. Đóng nắp phía trước của máy.

LƯU Ý

- Hao mòn trống mực xảy ra do việc sử dụng, quay trống mực và tương tác với giấy, mực in và các vật liệu khác trong đường dẫn giấy. Khi thiết kế sản phẩm này, Brother đã quyết định sử dụng số lần quay trống mực làm yếu tố hợp lý để xác định tuổi thọ trống mực. Khi trống mực đạt đến giới hạn quay do nhà máy thiết lập tương ứng với sản lượng trang định mức, màn hình LCD của sản phẩm sẽ khuyên bạn nên thay trống mực. Sản phẩm sẽ tiếp tục hoạt động; tuy nhiên, chất lượng in có thể không được tối ưu.
- Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.
- Có nhiều yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, như nhiệt độ, độ ẩm, loại giấy, loại mực in được sử dụng, v.v... Trong điều kiện lý tưởng, tuổi thọ trung bình của trống mực được ước tính khoảng 12.000 trang (dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang đơn A4/Letter]). Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.

Vì chúng tôi không kiểm soát được các yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, chúng tôi không thể đảm bảo số lượng trang tối thiểu mà trống mực của bạn sẽ in được.

-
- Để có hiệu suất tốt nhất, chỉ sử dụng mực in Brother Original.
 - Chỉ nên sử dụng máy trong môi trường sạch sẽ, không có bụi, có đủ độ thông thoáng.
 - In bằng bộ trống mực không phải của Brother có thể không chỉ làm giảm chất lượng in mà còn cả chính chất lượng và tuổi thọ của máy. Phạm vi bảo hành không áp dụng cho các vấn đề xảy ra do sử dụng bộ trống mực không phải của Brother.
-



Thông tin liên quan

- [Thay thế vật tư.](#)

Chủ đề liên quan:

- [Lỗi và Chỉ dẫn Bảo trì](#)
 - [Thông báo lỗi và bảo trì](#)
 - [Cải thiện chất lượng in](#)
-

Vệ sinh máy

Thường xuyên vệ sinh bên ngoài và bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

Khi bạn thay hộp mực hoặc bộ trống mực, hãy nhớ vệ sinh bên trong máy. Nếu các trang in bị rây mực in, hãy vệ sinh bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

⚠ CẢNH BÁO

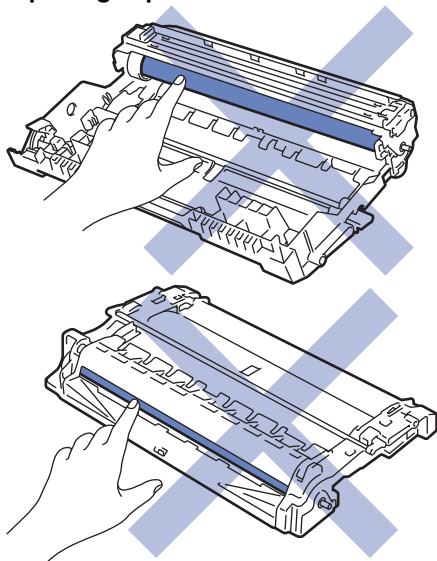
- KHÔNG sử dụng các chất dễ cháy, bất kỳ loại chất xịt nào, hoặc dung môi/chất lỏng hữu cơ có chứa cồn hoặc amoniac để vệ sinh bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Làm như vậy có thể gây ra hỏa hoạn. Thay vào đó, chỉ sử dụng khăn khô, không có xơ.



QUAN TRỌNG

- KHÔNG sử dụng cồn isopropyl để lau vết bẩn trên bảng điều khiển. Việc này có thể làm nứt bảng điều khiển.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

Bộ trống mực



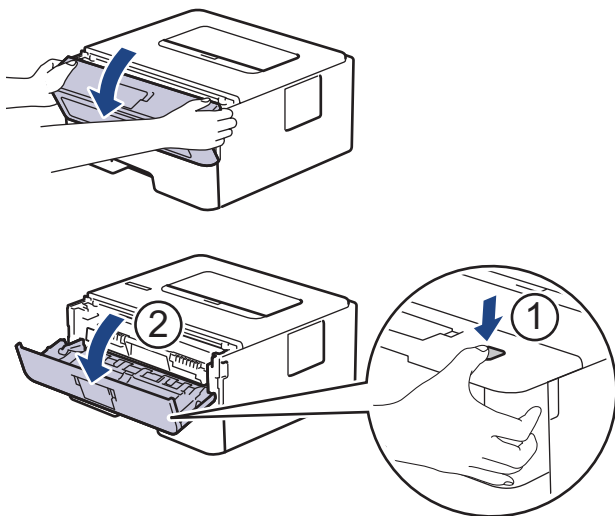
✓ Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ
 - Vệ sinh Dây Corona
 - Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực
 - Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

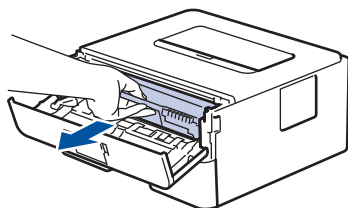
Vệ sinh Dây Corona

Nếu bạn gặp phải vấn đề về chất lượng in hoặc bảng điều khiển hiển thị trạng thái [Drum! (Trống!)], hãy vệ sinh dây corona.

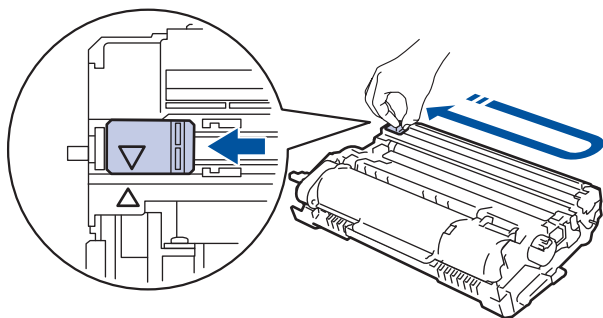
1. Mở nắp phía trước.



2. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

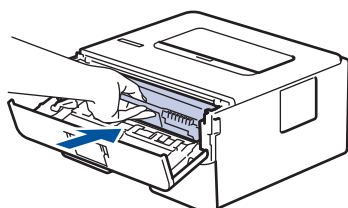


3. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

4. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



5. Đóng nắp phía trước của máy.

✓ Thông tin liên quan

- Vệ sinh máy

Chủ đề liên quan:

- Lỗi và Chỉ dẫn Bảo trì
 - Thông báo lỗi và bảo trì
-


Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đếm mực của trống mực

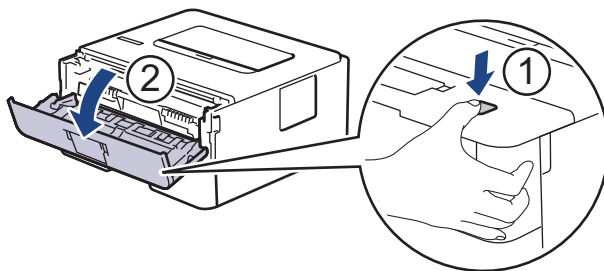
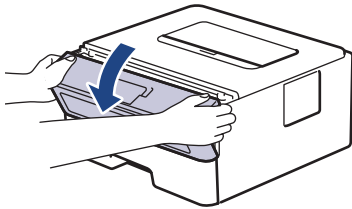
Nếu bản in ra có chấm hoặc dấu lặp lại khác cách quãng 94 mm, trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo dán từ nhãn bị mắc vào bề mặt trống mực.

>> [HL-B2000D](#)

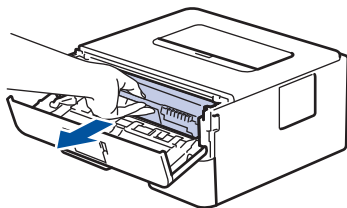
>> [HL-B2080DW](#)

HL-B2000D

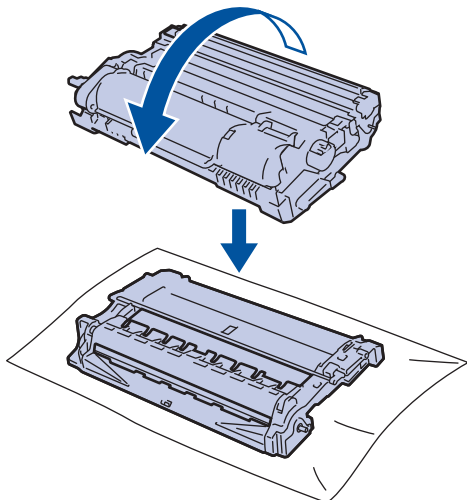
1. Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ Sẵn sàng.
2. Bấm **Go (Vào)** tám lần.
Máy in Tờ kiểm tra đếm mực của trống mực
3. Bấm và giữ  để tắt máy.
4. Mở nắp phía trước.



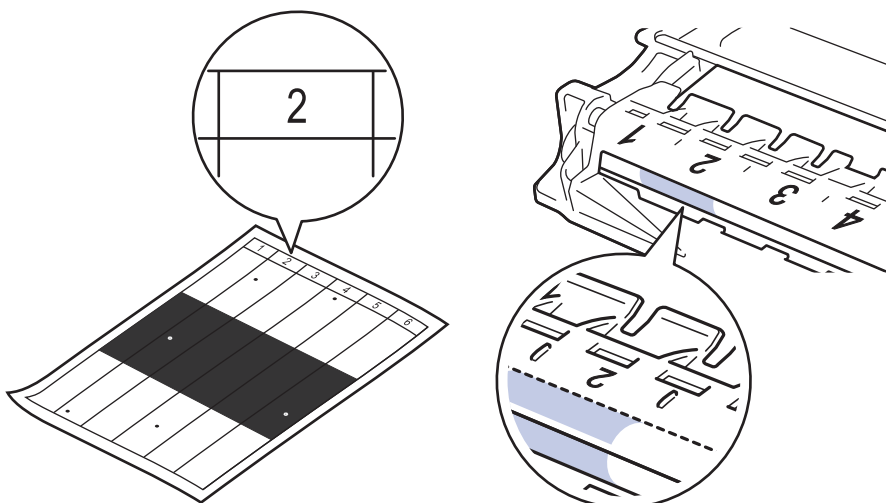
5. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



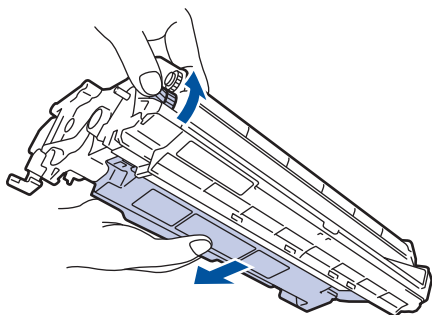
6. Xoay bộ trống mực như trong hình minh họa. Đảm bảo bánh răng của bộ trống mực ở bên trái.



7. Sử dụng các điểm đánh dấu được đánh số bên cạnh ống lăn của trống mực để tìm dấu vết trên trống mực. Ví dụ: một đốm mực trong cột 2 trên tờ kiểm tra có nghĩa là có một dấu vết trong vùng "2" của trống mực.



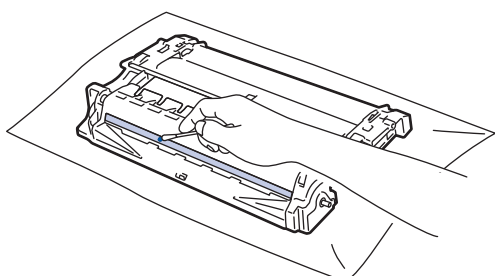
8. Xoay bánh răng ở đầu bộ trống mực trong khi đẩy gạch chéo trong hình minh họa để tìm dấu hiệu hoặc vật lạ.



QUAN TRỌNG

- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào bề mặt của bộ trống mực, mà chỉ được chạm vào bánh răng ở đầu bộ trống mực.

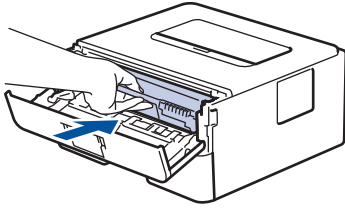
9. Nhẹ nhàng lau bề mặt trống mực bằng tấm bông khô cho đến khi không còn dấu vết hoặc vật lạ trên bề mặt.



LƯU Ý

KHÔNG vệ sinh bề mặt của trống quay bằng vật sắc nhọn hoặc bất kỳ chất lỏng nào.

10. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



11. Đóng nắp phía trước của máy.

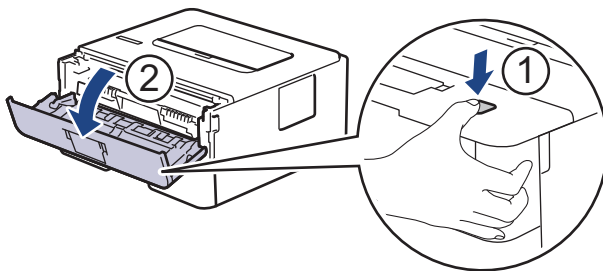
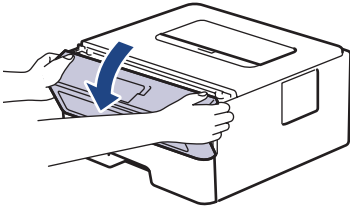
12. Bấm  để bật máy.

HL-B2080DW

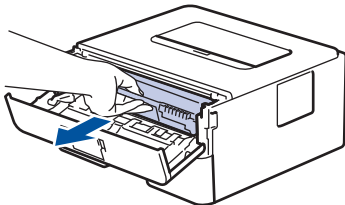
1. Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ Sẵn sàng.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)].
4. Bấm **Go (Vào)**.

Máy in Tờ kiểm tra chấm mực của trống mực

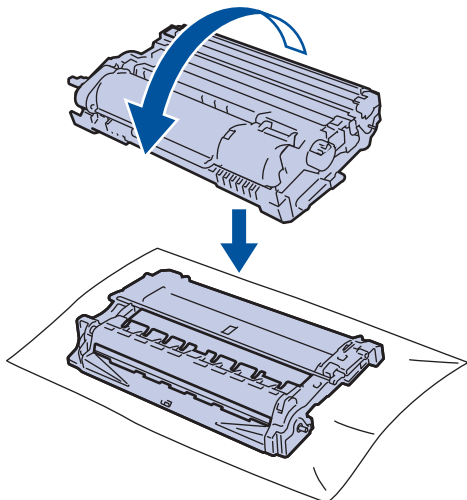
5. Bấm và giữ  để tắt máy.
6. Mở nắp phía trước.



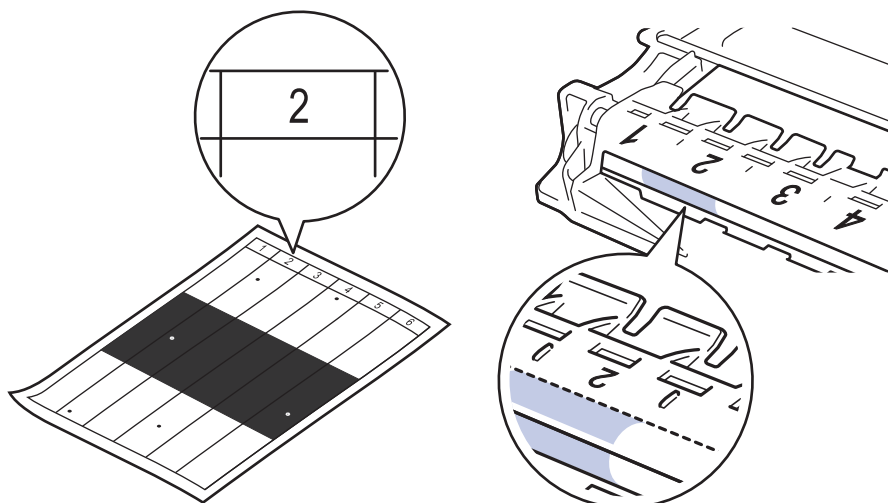
7. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



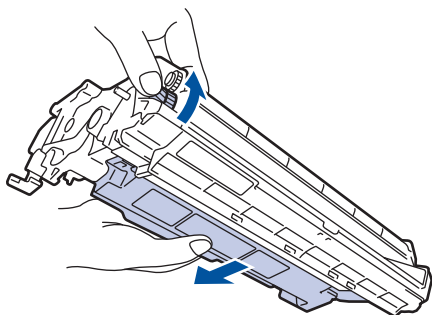
8. Xoay bộ trống mực như trong hình minh họa. Đảm bảo bánh răng của bộ trống mực ở bên trái.



9. Sử dụng các điểm đánh dấu được đánh số bên cạnh ống lăn của trống mực để tìm dấu vết trên trống mực. Ví dụ: một đốm mực trong cột 2 trên tờ kiểm tra có nghĩa là có một dấu vết trong vùng "2" của trống mực.



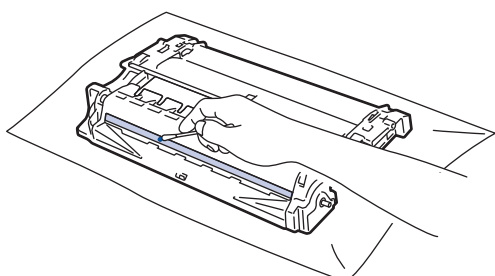
10. Xoay bánh răng ở đầu bộ trống mực trong khi đẩy gạch chéo trong hình minh họa để tìm dấu hiệu hoặc vật lạ.



QUAN TRỌNG

- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào bề mặt của bộ trống mực, mà chỉ được chạm vào bánh răng ở đầu bộ trống mực.

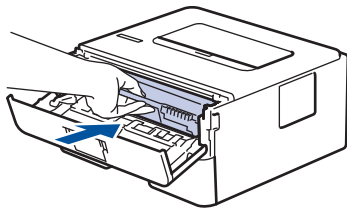
11. Nhẹ nhàng lau bề mặt trống mực bằng tấm bông khô cho đến khi không còn dấu vết hoặc vật lạ trên bề mặt.



LƯU Ý

KHÔNG vệ sinh bề mặt của trống nhạy quang bằng vật sắc nhọn hoặc bất kỳ chất lỏng nào.

12. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



13. Đóng nắp phía trước của máy.

14. Bấm  để bật máy.

Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)


Chủ đề liên quan:

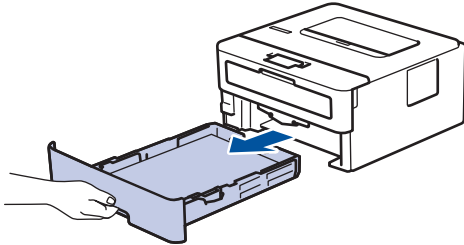
- [Cải thiện chất lượng in](#)

Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

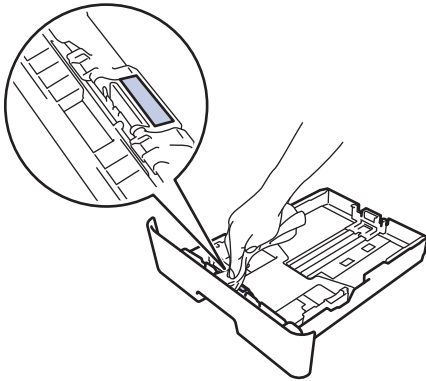
Vệ sinh ống lăn lấy giấy theo định kỳ có thể giúp ngăn ngừa tình trạng kẹt giấy bằng cách đảm bảo rằng giấy đã được nạp đúng.

Nếu bạn gặp vấn đề về nạp giấy, hãy vệ sinh trục cuộn lấy giấy như sau:

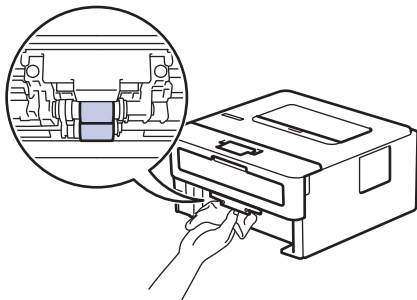
1. Bấm và giữ  để tắt máy.
2. Kéo hần khay giấy ra khỏi máy.




3. Nếu giấy được nạp hoặc có vật gì đó bị kẹt bên trong khay giấy, hãy lấy vật bị kẹt ra.
4. Vắt kiệt khăn không có xơ được ngâm trong nước ấm, rồi lau miếng đệm của bộ phận chia tách trên khay giấy để loại bỏ bụi.



5. Lau hai trục cuộn lấy giấy bên trong máy để loại bỏ bụi.



6. Nạp lại giấy và lắp lại chắc chắn khay giấy vào máy.
7. Bấm  để bật máy.

Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

Chủ đề liên quan:

- [Vấn đề khi in](#)

Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận

Model: HL-B2080DW

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn bộ phận máy mà bạn muốn kiểm tra, rồi bấm **OK**.
Màn hình LCD sẽ hiển thị tuổi thọ còn lại ước chừng của bộ phận đó.


✓ Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)

Đóng gói và vận chuyển máy Brother của bạn



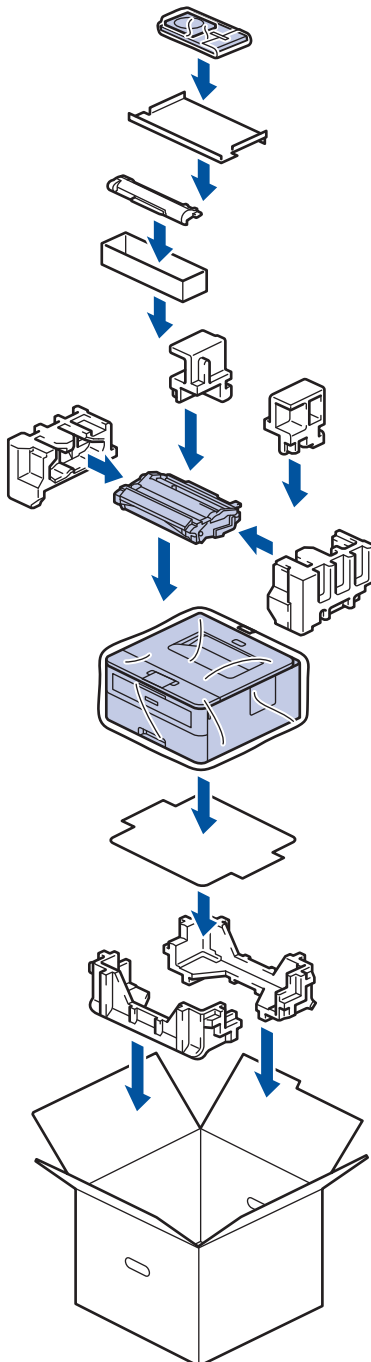
- Nếu vì bất kỳ lý do gì, bạn phải vận chuyển máy, hãy đóng gói lại cẩn thận trong thùng máy để tránh mọi hư hỏng trong khi vận chuyển. Máy cần được bảo hiểm thích hợp bởi nhà vận chuyển.

- Bấm và giữ  để tắt máy. Để máy tắt trong ít nhất 10 phút để làm nguội máy.
- Ngắt kết nối tất cả các cáp, rồi rút phích cắm dây nguồn khỏi ổ cắm điện.



Một số dòng máy được trang bị dây cáp nguồn AC không thể tháo rời. Nếu dây nguồn của bạn không thể tháo rời, hãy gập nó lại và để nó trên đầu máy để đóng gói dễ dàng.

- Đặt máy vào túi ban đầu chứa máy.
- Đóng gói máy, vật liệu in và dây nguồn AC (nếu có) trong thùng cát-tông gốc bằng vật liệu đóng gói gốc như được chỉ ra. Hình minh họa có thể khác với các vật liệu đóng gói thực tế. Các vật liệu có thể thay đổi tùy theo model của bạn.



5. Đóng thùng cát-tông và dán kín thùng.

 **Thông tin liên quan**

- Bảo trì thường lệ
-

Thiết đặt máy

Tùy chỉnh thiết đặt và tính năng, tạo lối tắt và làm việc với tùy chọn hiển thị trên màn hình LCD của máy để làm cho máy Brother của bạn trở thành công cụ làm việc hiệu quả hơn.

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển](#)
- [In danh sách thiết đặt máy in](#)
- [Cách cài đặt phần mềm Remote Printer Console \(chỉ dành cho Windows\)](#)
- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn](#)

Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển

- [Thiết đặt chung](#)
- [Bảng menu \(đối với model có màn hình LCD\)](#)

Thiết đặt chung

- Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ
- Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu
- Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Giảm tiếng ồn khi in
- Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ

Thiết đặt Chế độ ngủ (hay Chế độ tiết kiệm điện) có thể giảm tiêu thụ điện năng. Chọn thời gian máy phải ở chế độ ngủ trước khi đi vào Chế độ ngủ. Bộ hẹn giờ Chế độ ngủ được đặt lại khi máy nhận được công việc in.

Khi ở Chế độ ngủ, máy hoạt động như thể đã tắt. Máy sẽ thức dậy và bắt đầu in khi nhận được công việc in. Sử dụng những hướng dẫn này để thiết đặt hẹn giờ (đếm ngược) trước khi máy vào Chế độ Ngủ.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Sleep Time (Thời gian Chờ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để nhập thời gian theo phút mà máy sẽ duy trì ở chế độ nghỉ trước khi đi vào Chế độ ngủ. Bấm **Go (Vào)**.




Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu

Nếu máy ở chế độ Ngủ và không nhận được bất kỳ lệnh nào trong một khoảng thời gian nhất định, máy sẽ tự động vào chế độ Ngủ sâu. Khoảng thời gian sẽ dựa trên dòng máy và thiết đặt cụ thể của bạn.

Chế độ Ngủ sâu sử dụng ít điện năng hơn chế độ Ngủ.

Model áp dụng	Bảng điều khiển của Máy ở Chế độ Ngủ sâu	Những điều kiện sẽ đánh thức máy
HL-B2000D	 Đèn LED Ready (Sẵn sàng) mờ dần.	<ul style="list-style-type: none">Máy nhận được một lệnh.Có người đã bấm nút trên bảng điều khiển.
HL-B2080DW	Màn hình LCD Deep Sleep (Ngủ sâu).	<ul style="list-style-type: none">Máy nhận được một lệnh.Có người đã bấm nút trên bảng điều khiển.

Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn


Nếu máy ở Chế độ ngủ sâu trong một khoảng thời gian nhất định thì tùy theo model và thiết đặt của bạn, máy sẽ tự động đi vào Chế độ tắt nguồn. Máy sẽ không vào Chế độ Tắt nguồn khi máy được kết nối với mạng.

- Để bắt đầu in, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi công việc in.

>> [HL-B2000D](#)

>> [HL-B2080DW](#)

HL-B2000D

1. Đảm bảo đóng nắp phía trước và có cắm dây nguồn.
2. Bấm  để bật máy và đảm bảo chỉ đèn LED **Ready (Sẵn sàng)** sáng.
3. Bấm **Go (Vào)** bốn lần để Bật hoặc Tắt chức năng này.
Tất cả đèn LED đều nhấp nháy hai lần khi Chế độ tự động tắt nguồn được bật.
Tất cả đèn LED đều nhấp nháy một lần khi Chế độ tự động tắt nguồn được tắt.

HL-B2080DW



Chọn thời gian mà máy phải ở Chế độ ngủ sâu trước khi đi vào Chế độ tự động tắt nguồn.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn mà bạn muốn, rồi sau đó bấm **Go (Vào)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Giảm mức tiêu thụ mực

Sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in có thể làm giảm mức tiêu thụ mực. Khi tính năng Tiết kiệm Mực in được đặt thành bật, mực in trên tài liệu của bạn sẽ mờ hơn.

Chúng tôi **KHÔNG** khuyến nghị bạn sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in để in ảnh hoặc các hình ảnh thang đo màu xám.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Toner Save (Tiết kiệm mực)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị, [On (Bật)], và sau đó bấm **Go (Vào)**.

✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Chủ đề liên quan:

- [Cải thiện chất lượng in](#)


Giảm tiếng ồn khi in

Thiết đặt Chế độ Im lặng có thể giúp làm giảm tiếng ồn khi in. Khi Chế độ Im lặng được bật, tốc độ in sẽ giảm xuống. Thiết đặt theo nhà máy là tắt.

>> [HL-B2000D](#)

>> [HL-B2080DW](#)

HL-B2000D

1. Đảm bảo đóng nắp phía trước và có cắm dây nguồn.
2. Nhấn  để bật máy và chờ cho đến khi máy ở chế độ Sẵn sàng.
3. Bấm **Go (Vào)** 11 lần để Bật hoặc Tắt chức năng này.
Tất cả đèn LED đều nhấp nháy hai lần khi bạn bật Chế độ im lặng.
Tất cả đèn LED đều nhấp nháy một lần khi bạn tắt Chế độ im lặng.

HL-B2080DW

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Quiet Mode (Chế độ im lặng)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **Go (Vào)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD nếu cần.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Local Language (Ngôn ngữ địa phương)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn ngôn ngữ của bạn, và sau đó bấm **Go (Vào)**.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

▲ Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển > Bảng menu (đối với model có màn hình LCD)

Bảng menu (đối với model có màn hình LCD)

- [Bảng cài đặt \(Dòng máy LCD 1 Đường\)](#)

Bảng cài đặt (Dòng máy LCD 1 Đường)

Model: HL-B2080DW

Sử dụng bảng này để hiểu các menu và tùy chọn khác nhau mà bạn sẽ sử dụng để thiết đặt tùy chọn của mình trên máy.

[General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Tray Setting (Thiết đặt khay)	Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy.
	Check Size (Kiểm tra khổ giấy)	-	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra khổ giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy của máy phù hợp không.
	Manual Feed (Nạp bằng tay)	-	Chọn xem có in từ Khe nạp bằng tay hay không.
Resolution (Độ phân giải)	-	-	Chọn độ phân giải in.
Density (Mật độ)	-	-	Tăng hoặc giảm mật độ in.
Ecology	Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật cài đặt máy sau cùng cùng lúc. <ul style="list-style-type: none"> 2-sided Print: Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài) (Chỉ có ở một số model nhất định) Sleep Time: 0Min (Thời gian Chờ: 0 phút)
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	-	Tăng sản lượng trang của hộp mực.
	Sleep Time (Thời gian ngủ)	-	Thiết đặt thời gian chờ trước khi máy nhập Chế độ Tiết kiệm Điện.
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	-	Giảm tiếng ồn khi in.
	Auto Power Off (Tắt nguồn tự động)	-	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn.
Panel Control (Bảng điều khiển)	Button Repeat (Lặp lại nút)	-	Thiết đặt thời gian thay đổi thông báo trên màn hình LCD khi nhấn giữ ▲ hoặc ▼ ở các quãng thời gian đều nhau.
	Message Scroll (Cuộn thông báo)	-	Thiết đặt thời gian bằng giây thông báo trên màn hình LCD sẽ cuộn ngang màn hình LCD. Từ Mức 1=0,2 giây đến Mức 10=2,0 giây.
	LCD Contrast (Độ tương phản LCD)	-	Điều chỉnh độ tương phản của màn hình LCD.
	Auto Online (Trực tuyến tự động)	-	Thiết đặt máy để trở về Chế độ Sẵn sàng sau khi ở chế độ nghỉ 30 giây.
Setting Lock (Khóa thiết đặt)	-	-	Khóa cài đặt máy bằng cách sử dụng mật khẩu Khóa Cài đặt.
Interface (Giao diện)	Select (Chọn)	-	Chọn giao diện sẽ sử dụng. Nếu bạn chọn Auto (Tự động), máy thay đổi giao diện thành USB hoặc Mạng tùy thuộc vào giao diện nào đang nhận dữ liệu.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Interface (Giao diện)	Auto IF Time (Thời gian IF tự động)	-	Thiết đặt khoảng thời gian hết giờ chờ cho lựa chọn giao diện tự động.
	Input Buffer (Bộ đệm đầu vào)	-	Tăng hoặc giảm dung lượng bộ đệm đầu vào.

[Printer (Máy in)]

Đối với các model được hỗ trợ mô phỏng máy in

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	In danh sách phông và các mẫu.
	Test Print (In thử)	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	2-sided Print (In 2 mặt)	Tắt hoặc bật in 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
	Single Image (Một ảnh)	Đối với một tác vụ in mà trang cuối là một hình ảnh 1 mặt, chọn tùy chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in.
Auto Continue (Tiếp tục tự động/ Auto Continue)	-	Chọn bạn có muốn máy xóa các lỗi về kích cỡ giấy hoặc lỗi về loại phương tiện tự động hay không.
Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy.
Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy.
Copies (Bản sao)	-	Thiết đặt số lượng trang in.
Orientation (Hướng)	-	Đặt giấy in theo hướng dọc hoặc ngang.
Print Position (Vị trí in)	X Offset	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên cùng bên trái của trang) sang ngang tối đa -500 (trái) đến +500 (phải) điểm tại 300 dpi.
	Y Offset	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên cùng bên trái của trang) theo chiều dọc tối đa -500 (lên) đến +500 (xuống) điểm tại 300 dpi.
Auto FF (FF tự động)	-	Cho phép máy in mọi dữ liệu còn lại tự động.
HP LaserJet	Font No. (Số phông chữ)	Thiết đặt số phông.
	Font Pitch (Bước phông)	Thiết đặt bước phông. Menu Font Pitch (Bước phông) xuất hiện khi bạn chọn I012 là I018, I031 I037 hoặc I097 là I109 trong cài đặt Font No. (Số phông chữ).
	Font Point (Cỡ phông)	Thiết đặt cỡ phông. Menu Font Point (Cỡ phông) xuất hiện khi bạn chọn I000 là I011, I019 I030 hoặc I038 là I096 trong cài đặt Font No. (Số phông chữ).
	Symbol Set (Bộ ký hiệu)	Chọn biểu tượng hoặc ký tự được thiết đặt.
	Table Print (In bảng)	In bảng mã.
	Auto LF (LF tự động)	BẬT: CR -> CR+LF, TẮT: CR -> CR
	Auto CR (CR tự động)	BẬT: LF -> LF+CR, FF -> FF+CR hoặc VT -> VT+CR TẮT: LF -> LF, FF -> FF hoặc VT -> VT

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
HP LaserJet	Auto WRAP (NGẮT DÒNG tự động)	Chọn xem đầy dòng và trở về đầu dòng có xảy ra khi máy tới lề phải.
	Auto SKIP (BỎ QUA tự động)	Chọn xem đầy dòng và trở về đầu dòng có xảy ra khi vị trí đầu in tới lề dưới.
	Left Margin (Lề trái)	Thiết đặt lề trái ở cột 0 thành 70 cột tại 1 cpi.
	Right Margin (Lề phải)	Thiết đặt lề phải ở cột 10 thành 80 cột tại 1 cpi.
	Top Margin (Lề trên)	Thiết đặt khoảng cách lề trên từ cạnh trên của giấy.
	Bottom Margin (Lề dưới)	Thiết đặt khoảng cách lề dưới từ cạnh dưới của giấy.
	Lines (Số dòng)	Thiết đặt số lượng dòng mỗi trang.
	Tray Command (Lệnh đến khay)	Chọn cài đặt này nếu thông báo khay không phù hợp xuất hiện khi bạn sử dụng trình điều khiển HP.

Đối với các dòng máy khác

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Test Print (In thử)	-	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	2-sided Print (In 2 mặt)	Tắt hoặc bật in 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
	Single Image (Một ảnh)	Đối với một tác vụ in mà trang cuối là một hình ảnh 1 mặt, chọn tùy chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in.
Auto Continue (Tiếp tục tự động) Auto Continue)	-	Chọn bạn có muốn máy xóa các lỗi về kích cỡ giấy hoặc lỗi về loại phương tiện tự động hay không.
Print Position (Vị trí in)	X Offset	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên cùng bên trái của trang) sang ngang tối đa -500 (trái) đến +500 (phải) điểm tại 300 dpi.
	Y Offset	Di chuyển vị trí bắt đầu in (ở góc trên cùng bên trái của trang) theo chiều dọc tối đa -500 (lên) đến +500 (xuống) điểm tại 300 dpi.

[Network (Mạng)] (HL-B2080DW)

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức IP phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nút.
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.
		APIPA	-	Tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ ¹ .
		IPv6	-	Bật hoặc vô hiệu giao thức IPv6.
	Ethernet	-	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.
	Wired Status (Trạng thái Kết nối)	-	-	Hiển thị trạng thái liên kết Ethernet.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Hiển thị địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về Mặc định)	-	-	Khôi phục tất cả các cài đặt mạng có dây của máy về cài đặt theo nhà máy.
Wired Enable (Kết nối Có dây)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện có dây.	
WLAN	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức IP phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nút.
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.
	APIPA	-	Tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ ¹ .	
	IPv6	-	Bật hoặc vô hiệu giao thức IPv6.	
	Setup Wizard (Cài đặt tiện ích)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây bằng tiện ích cài đặt.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả	
WLAN	WLAN Assistant (Hỗ trợ WLAN)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng đĩa cài đặt của Brother.	
	WPS	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.	
	WPS w/PIN Code (WPS có mã PIN)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.	
	WLAN Status (Trạng thái WLAN)	Status (Trạng thái)	-	-	Hiển thị trạng thái liên kết Ethernet không dây.
		Signal (Tín hiệu)	-	-	Hiển thị tình trạng tín hiệu.
		Channel (Kênh)	-	-	Hiển thị kênh đang sử dụng khi Status (Trạng thái) là Active (Kích hoạt).
		Speed (Tốc độ)	-	-	Hiển thị tốc độ kết nối khi Status (Trạng thái) là Active (Kích hoạt).
		SSID	-	-	Hiển thị SSID.
		Comm. Mode (Chế độ liên lạc)	-	-	Hiển thị Chế độ Liên lạc hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Hiển thị địa chỉ MAC của máy.	
Set to Default (Đặt về Mặc định)	-	-	Khôi phục tất cả các cài đặt mạng không dây của máy về cài đặt theo nhà máy.		
WLAN Enable (Bật WLAN)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện không dây.		
Wi-Fi Direct	Push Button (Nút bấm)	-	-	Cấu hình nhanh các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.	
	PIN Code (Mã PIN)	-	-	Cấu hình nhanh các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.	
	Manual (Thủ công)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng Wi-Fi Direct thủ công.	
	Group Owner (Chủ sở hữu nhóm)	-	-	Thiết đặt máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.	
	Device Info. (Thông tin Thiết bị)	Device Name (Tên Thiết bị)	-	-	Xem tên thiết bị của máy.
		SSID	-	-	Hiển thị SSID của Chủ sở hữu nhóm.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	-	Hiển thị Địa chỉ IP máy.
	Status Info. (Thông tin Trạng thái)	Status (Trạng thái)	-	-	Hiển thị trạng thái mạng Wi-Fi Direct.
		Signal (Tín hiệu)	-	-	Hiển thị cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wi-Fi Direct	Status Info. (Thông tin Trạng thái)			Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn hiển thị Strong (Mạnh).
		Channel (Kênh)	-	Hiển thị kênh đang sử dụng khi Status (Trạng thái) là G/O Active (G/O Hiện hoạt) hoặc Client Active (Khách hàng hiện hoạt).
		Speed (Tốc độ)	-	Hiển thị tốc độ kết nối khi Status (Trạng thái) là G/O Active (G/O Hiện hoạt) hoặc Client Active (Khách hàng hiện hoạt).
	I/F Enable (I/F Bật)	-	-	Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	-	Khôi phục tất cả các cài đặt mạng của máy về cài đặt theo nhà máy.

- 1 Khi kết nối vào mạng, nếu 'Phương thức boot' của máy là 'Tự động', máy sẽ cố gắng thiết lập địa chỉ IP và Mật mã mạng con từ một máy chủ boot như DHCP. Nếu không thể tìm thấy máy chủ boot thì một địa chỉ IP APIPA sẽ được cấp phát, chẳng hạn như 169. 254. [001-254]. [000-255]. Nếu 'Phương thức boot' của máy được thiết lập thành 'Tĩnh', bạn phải nhập địa chỉ IP bằng tay từ bảng điều khiển của máy.

[Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Print Settings (In thiết đặt)	-	In trang Thiết đặt máy in.
Network Config (Cấu hình mạng) (Dành cho các model có mạng)	-	In Báo cáo cấu hình mạng.
Print File List (Danh sách tệp tin cần in) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ.
Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)	-	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Dành cho các model có mạng không dây)	-	In kết quả chẩn đoán kết nối LAN không dây.

[Machine Info. (Thông tin máy)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	-	Hiển thị số sê-ri của máy.
Firmware Version (Phiên bản firmware)	-	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
Page Counter (Bộ đếm giấy)	-	Hiển thị tổng số trang in.
Parts Life (Tuổi thọ của bộ phận) ¹	Toner Life (Tuổi thọ của mực)	Hiển thị tuổi thọ còn lại của hộp mực.
	Drum Life (Tuổi thọ của trống từ)	Hiển thị tuổi thọ còn lại của bộ trống mực.

- 1 Tuổi thọ mang tính ước chừng và có thể thay đổi tùy theo cách sử dụng.

[Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Reset (Đặt lại)	Machine Reset (Đặt lại máy)	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi.
	Network Reset (Đặt lại mạng)	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.
	Factory Reset (Đặt lại theo nhà máy)	Khôi phục tất cả các cài đặt của máy về cài đặt mặc định theo nhà máy. Thực hiện thao tác này khi bạn chuyển nhượng máy của mình.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương)	-	Chọn ngôn ngữ trên màn hình LCD cho quốc gia của bạn.




Thông tin liên quan

- [Bảng menu \(đối với model có màn hình LCD\)](#)

In danh sách thiết đặt máy in

- >> [HL-B2000D](#)
- >> [HL-B2080DW](#)

HL-B2000D

- Đảm bảo đóng nắp phía trước và có cắm dây nguồn.
- Bấm  để bật máy và đảm bảo chỉ đèn LED **Ready (Sẵn sàng)** sáng.
- Bấm **Go (Vào)** ba lần.

Máy sẽ in Thiết đặt máy in.

HL-B2080DW

- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Settings (In thiết đặt)], rồi bấm **OK**.
- Bấm **Go (Vào)**.

Máy sẽ in Thiết đặt máy in.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt máy](#)

Cách cài đặt phần mềm Remote Printer Console (chỉ dành cho Windows)

Model: HL-B2000D

Remote Printer Console là ứng dụng phần mềm giúp bạn thay đổi nhiều thiết đặt máy in trên máy Brother của mình, bất kể bạn đang in từ ứng dụng nào.

Ví dụ, bạn có thể thay đổi thiết đặt cho lề trang, Chế độ ngủ, bộ ký tự, v.v... trong Remote Printer Console. Các thiết đặt này được ghi nhớ vào máy Brother và được máy sử dụng làm mặc định in. Tuy nhiên, bất kỳ thay đổi nào được bạn thực hiện bằng tay trong ứng dụng hoặc trình điều khiển máy in sẽ ghi đè lên thiết đặt của Remote Printer Console.

LƯU Ý

Không có cho các quốc gia tuân theo quy định xuất khẩu hiện hành.

1. Đưa Đĩa Cài đặt của Brother vào ổ CD-ROM của bạn.
Đóng màn hình mở ra khi màn hình này xuất hiện.
2. Mở Windows Explorer và chọn ổ CD-ROM.
3. Bấm đúp vào thư mục **Công cụ**.
4. Bấm đúp vào thư mục **RPC**.
5. Tham khảo **RPC_User's_Guide.pdf** để biết cách cài đặt và sử dụng Remote Printer Console.



Thông tin liên quan

- [Thiết đặt máy](#)

Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)
- [Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu?](#)

Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).

- [Quản lý dựa trên Web là gì?](#)
- [Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web](#)
- [Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web](#)

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web > Quản lý dựa trên Web là gì?

Quản lý dựa trên Web là gì?

Model: HL-B2080DW

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS). Nhập địa chỉ IP của máy vào trình duyệt web để truy cập và thay đổi các thiết đặt máy chủ in của bạn.



- Chúng tôi khuyên dùng Microsoft Internet Explorer 11/Edge cho Windows và Safari 9/10 cho Mac. Đảm bảo rằng JavaScript và Cookie luôn được bật trong bất kỳ trình duyệt nào mà bạn dùng.
- Bạn phải sử dụng giao thức TCP/IP trên mạng của bạn và có địa chỉ IP hợp lệ được lập trình trong máy chủ in và máy tính của bạn.

XXX-XXXX Please configure the password >> **brother**
Brother Solutions Center

General Print Administrator Network Bottom

► Status

- Auto Refresh Interval
- Maintenance Information
- Lists/Reports
- Find Device
- Contact & Location
- Sleep Time
- Auto Power Off
- Language
- Panel
- Replace Toner

Status

Device Status Ready

Automatic Refresh Off On

Toner Level

BK

Web Language Auto

Device Location

Contact :

Location :

- Màn hình thực tế có thể khác với màn hình được thể hiện ở trên.



Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web

Model: HL-B2080DW

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web.
- Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

Ví dụ:

http://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

- Ví dụ:

http://SharedPrinter

Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.

- Ví dụ:

http://brnxxxxxxxxxxxx

Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .

Bây giờ bạn có thể thay đổi cài đặt máy chủ in.

Nếu bạn thay đổi cài đặt giao thức, bạn phải khởi động lại máy sau khi nhấp vào **Submit (Gửi)** để kích hoạt cấu hình.



Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web

Model: HL-B2080DW

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên thiết lập một mật khẩu đăng nhập để ngăn truy cập trái phép vào tiện ích Quản lý trên nền Web.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

Ví dụ:

http://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

- Ví dụ:

http://SharedPrinter


Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.


- Ví dụ:


http://brnxxxxxxxxxxxx

Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .
4. Nhấp vào **Administrator (Quản trị viên)**.
5. Nhập mật khẩu mà bạn muốn sử dụng trong trường **Enter New Password (Nhập Mật khẩu mới)** (8-32 ký tự).
6. Nhập lại mật khẩu trong trường **Confirm New Password (Xác nhận Mật khẩu mới)**.
7. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.

Trong tương lai, mỗi lần bạn truy cập vào tiện ích Quản lý trên nền Web, hãy nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, sau đó bấm .

Sau khi cấu hình các cài đặt, hãy đăng xuất bằng cách nhấp vào .



- Nếu bạn chưa đặt mật khẩu đăng nhập trước đó, bạn cũng có thể đặt mật khẩu bằng cách nhấp vào nút **Please configure the password (Vui lòng định cấu hình mật khẩu)** trên trang web của máy.



Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

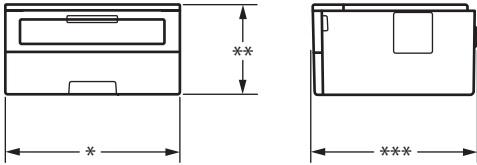
Phụ lục

- Thông số kỹ thuật
- Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn
- Vật tư
- Số điện thoại Brother

Thông số kỹ thuật

- >> Thông số kỹ thuật chung
- >> Thông số kỹ thuật của phương tiện in
- >> Thông số kỹ thuật của máy in
- >> Thông số kỹ thuật giao diện
- >> Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ
- >> Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Thông số kỹ thuật chung

Loại máy in		• Laze
Phương thức in		• Máy in laze quang điện tử
Dung lượng bộ nhớ	Tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> • (HL-B2000D) 32 MB • (HL-B2080DW) 64 MB
LCD (Màn hình tinh thể lỏng)		<ul style="list-style-type: none"> • (HL-B2080DW) 16 ký tự x 1 dòng
Nguồn điện		• 220 to 240 V AC 50/60 Hz
Tiêu thụ điện năng (Trung bình)	Tối đa	• Khoảng 1104 W
	In¹	• Khoảng 510 W ở 25 °C
	In (Chế độ im lặng)¹	• Khoảng 265 W ở 25 °C
	Sẵn sàng¹	• Khoảng 48 W ở 25 °C
	Ngủ¹	<ul style="list-style-type: none"> • (HL-B2000D) Khoảng 5,7 W • (HL-B2080DW) Khoảng 6,0 W
	Ngủ sâu¹	• Khoảng 0,6 W
Tắt nguồn^{2 3}		• Khoảng 0,03 W
Kích thước (Đường viền điển hình) 		Đơn vị: mm • * : 356 • ** : 183 • *** : 360
Trọng lượng (có vật tư)		• 7,4 kg

¹ Đo khi máy được kết nối với giao diện USB.

² Đo theo Phiên bản 2.0 của IEC 62301.

³ Mức tiêu thụ điện hơi khác nhau tùy vào môi trường sử dụng.

Độ ồn	Áp suất âm thanh	In	• LpAm = 49 dB (A)
		In (Chế độ im lặng)	• LpAm = 44 dB (A)
		Sẵn sàng	• LpAm = 30,0 dB (A)
	Công suất âm thanh	In	• LWAd = 6,66 B (A)
		In (Chế độ im lặng)	• LWAd = 6,14 B (A)
		Sẵn sàng	• LWAd = Không thể nghe được
Nhiệt độ	Hoạt động	• 10 đến 32 °C	
	Lưu trữ	• 0 đến 40 °C	
Độ ẩm	Hoạt động	• 20 đến 80% (không có nước ngưng tụ)	
	Lưu trữ	• 35 đến 85% (không có nước ngưng tụ)	

Thông số kỹ thuật của phương tiện in

Đầu vào giấy	Khay giấy (Chuẩn)	Loại giấy	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế, Giấy dày	
		Khổ giấy	• A4, Letter, A5, A5 (Cạnh dài), A6, Executive, Legal, Folio, Mexico Legal, India Legal	
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 163 g/m ²	
		Sức chứa giấy tối đa	• Lên đến 250 tờ Giấy thường 80 g/m ²	
	Khe nạp bằng tay	Loại giấy	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Nhãn, Phong bì, Phong bì mỏng, Phong bì dày	
		Khổ giấy	• Chiều rộng: 76,2 đến 215,9 mm • Chiều dài: 127 đến 355,6 mm • Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch	
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 230 g/m ²	
		Sức chứa giấy tối đa	• Từng tờ một	
		Đầu ra giấy ¹	Khay đầu ra hướng xuống	• Lên đến 150 tờ Giấy thường 80 g/m ² (úp xuống để chạy đến khay đầu ra giấy úp xuống) ²
			Khay đầu ra hướng lên	• Một tờ (ngửa lên để chạy đến khay đầu ra giấy ngửa lên)
2 mặt	In 2 mặt tự động	Loại giấy	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế	
		Khổ giấy	• A4	
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 105 g/m ²	

¹ Đối với nhãn, chúng tôi khuyến nghị nên lấy tờ nhãn đã in ra khỏi khay giấy đầu ra ngay sau khi nhãn xuất ra từ máy để tránh bị nhòe mực.

² Được tính là 80 g/m² trong môi trường ôn hòa, không ẩm ướt.

Thông số kỹ thuật của máy in

In 2 mặt tự động	• Có
Mô phỏng	• (HL-B2080DW)

	PCL6
Độ phân giải	• 600 x 600 dpi, chất lượng HQ1200 (2400 x 600 dpi), 1200 x 1200 dpi
Tốc độ in ^{4 5}	In 1 mặt • Lên đến 34 trang/phút (Khổ A4) Lên đến 36 trang/phút (Khổ Letter)
	In 2 mặt • Lên đến 16 mặt/phút (lên đến 8 tờ/phút) (khổ A4) Lên đến 17 mặt/phút (Lên đến 8,5 tờ/phút) (khổ Letter)
Thời gian in lần đầu ⁶	• Dưới 8,5 giây ở 23 °C / 230 V

Thông số kỹ thuật giao diện

USB ^{1 2}	• USB 2.0 tốc độ cao Sử dụng cáp giao diện USB 2.0 không dài quá 2,0 m.
LAN	• (HL-B2080DW) 10Base-T/100Base-TX ³
LAN không dây	• (HL-B2080DW) IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng) IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct®)

- Máy của bạn có giao diện USB 2.0 tốc độ cao. Máy cũng có thể được kết nối với máy tính có giao diện USB 1.1.
- Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.
- Sử dụng cáp xoắn hai sợi hạng mục thẳng suốt 5 (hoặc lớn hơn).

Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ

Ethernet

10Base-T/100Base-TX

LAN không dây

IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)

Giao thức (IPv4)

ARP, RARP, BOOTP, DHCP, APIPA(Auto IP), phân giải tên WINS/NetBIOS, Bộ phân giải DNS, mDNS, Bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Cổng Raw Tùy chỉnh/Cổng 9100, Máy khách SMTP, IPP/IPPS, Máy chủ FTP, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMP, Dịch vụ Web (in)

Giao thức (IPv6)

NDP, RA, bộ phân giải DNS, mDNS, bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Cổng Raw Tùy chỉnh/Cổng 9100, IPP/IPPS, Máy khách SMTP, Máy chủ FTP, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMPv6, Dịch vụ Web (In)

Bảo mật mạng (có dây)

SMTP-AUTH, SNMP v3, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP)

Bảo mật mạng (không dây)

SMTP-AUTH, SNMP v3, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP)

Bảo mật mạng không dây

WEP 64/128 bit, WPA-PSK (TKIP/AES), WPA2-PSK (TKIP/AES)(Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES))

Chứng nhận không dây

Giấy phép Đánh dấu Chứng nhận Wi-Fi (WPA™/WPA2™ - Personal), Giấy phép Đánh dấu Bộ định danh Thiết lập có bảo vệ Wi-Fi (WPS), Wi-Fi CERTIFIED™ Wi-Fi Direct

- Tốc độ in có thể thay đổi tùy thuộc vào loại tài liệu mà bạn in.
- Tốc độ in có thể chậm hơn khi máy được kết nối bằng mạng LAN không dây.
- Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn

Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Hệ điều hành và chức năng phần mềm được hỗ trợ

Nền tảng & phiên bản hệ điều hành của máy tính		Giao diện máy tính				Bộ xử lý	Dung lượng đĩa cứng để cài đặt
		Đặt song song (IEEE1284)	USB ¹	10BASE-T/100BASE-TX (Ethernet)	Không dây ² 802.11b/g/n		
Hệ điều hành Windows	Windows 7 SP1 / 8 / 8.1	Không áp dụng	In		Bộ xử lý 32 bit (x86) hoặc 64 bit (x64)	80 MB	
	Windows 10 Home / 10 Pro / 10 Education / 10 Enterprise		In				
	Windows Server 2008		In		Bộ xử lý 64 bit (x64)		
	Windows Server 2008 R2		In				
	Windows Server 2012		In				
	Windows Server 2012 R2		In				
	Windows Server 2016		In				
Hệ điều hành Mac	macOS v10.10.5	In		Bộ xử lý Intel®	80 MB		
	macOS v10.11.x	In					
	macOS v10.12.x	In					

¹ Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.

² HL-B2080DW

Để biết các bản cập nhật trình điều khiển mới nhất, hãy truy cập trang **Downloads** của dòng máy của bạn tại Trung tâm Giải pháp Brother tại support.brother.com.

Tất cả các nhãn hiệu, thương hiệu và tên sản phẩm là tài sản của các công ty tương ứng.

Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn

Model: HL-B2080DW

Khi văn bản được yêu cầu, hãy nhập các ký tự có trên máy. Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo thao tác vận hành mà bạn thực hiện.

- Giữ hoặc bấm liên tục ▲ hoặc ▼ để chọn một ký tự từ danh sách này:
0123456789abcdefghijklmnopqrstuvwxyzABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ(khoảng trắng)!"#\$%&'()*
+,-./:;<=>?@[]^_
- Bấm **OK** khi ký tự hoặc ký hiệu mà bạn muốn được hiển thị, rồi nhập ký tự tiếp theo.
- Bấm **Back (Quay lại)** để xóa ký tự nhập sai.

✓ Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

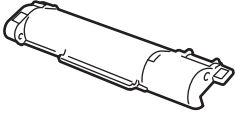
Vật tư

Khi đến lúc phải thay thế các vật tư như mực in hoặc trống mực, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển của máy hoặc trong Status Monitor. Để biết thêm thông tin về vật tư dành cho máy của bạn, truy cập www.brother.com/original/index.html hoặc liên hệ đến các đại lý địa phương của Brother.



- Tên model vật tư sẽ thay đổi tùy thuộc vào quốc gia và khu vực của bạn.

Hộp mực



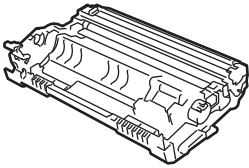
Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
TN-B022	Khoảng 2.600 trang ¹ ²	HL-B2000D/HL-B2080DW

¹ Hiệu suất hộp mực ước tính được tuyên bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.

² Trang đơn A4/Letter

Tuổi thọ mực in box trung bình được ước tính ở Khoảng 2.600 trang dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang đơn khổ A4 hoặc Letter].

Bộ trống mực



Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
DR-B022	Khoảng 12.000 trang ¹	HL-B2000D/HL-B2080DW

¹ Khoảng 12.000 trang dựa trên 1 trang mỗi công việc [trang đơn A4/Letter]. Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại phương tiện và kích thước phương tiện.



Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

Chủ đề liên quan:

- [Thay thế vật tư.](#)

Số điện thoại Brother

QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng Brother tại địa phương.

>> [FAQ \(Câu hỏi thường gặp\)](#)

>> [Dịch vụ khách hàng](#)

FAQ (Câu hỏi thường gặp)

Brother Solutions Center là kho tài nguyên tổng hợp của chúng tôi cho tất cả nhu cầu về máy của bạn. Tải xuống phần mềm và các tiện ích mới nhất cũng như đọc các Câu hỏi thường gặp (FAQ) và mẹo khắc phục sự cố để tìm hiểu cách tận dụng tối đa sản phẩm Brother của bạn.

Cũng kiểm tra tại đây để nhận cập nhật trình điều khiển Brother.

support.brother.com

Dịch vụ khách hàng

Hãy truy cập global.brother/gw để biết thông tin liên hệ về văn phòng Brother tại địa phương.

Vị trí trung tâm dịch vụ

Đối với các trung tâm dịch vụ tại khu vực của bạn, hãy liên hệ với Văn phòng Brother tại địa phương. Có thể tìm thấy thông tin liên hệ cho Văn phòng của Brother tại global.brother/gw và chọn quốc gia của bạn.

Địa chỉ Internet

Trang web toàn cầu của Brother: global.brother/gw

Đối với Câu hỏi thường gặp (FAQ), Câu hỏi kỹ thuật và hỗ trợ sản phẩm và Bản cập nhật trình điều khiển và Tiện ích:

support.brother.com



Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

brother

Tìm hiểu thêm trên trang website chính hãng của Brother
global.brother/gw

Sản phẩm sẽ chỉ được chấp nhận và hỗ trợ bởi Brother và đại lý tại quốc gia trực tiếp bán ra cho khách hàng.